

BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

NĂM HỌC 2024 – 2025

Phú Yên, ngày 22 tháng 7 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Phan Văn Huệ

TS. Phan Văn Huệ

BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

NĂM HỌC 2024 – 2025

Phủ Yên, ngày 22 tháng 7 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



TS. Phan Văn Huệ

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

NĂM HỌC 2024 – 2025

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO



TS. Trần Văn Hiến

KHOA XÂY DỰNG



TS. Nguyễn Văn Hải

KHOA KIẾN TRÚC



ThS. Ngô Đức Quý

KHOA HẠ TẦNG KỸ THUẬT –
CÔNG NGHỆ



TS. Nguyễn Kim Cường

KHOA KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ
XÂY DỰNG



TS. Nguyễn Thị Kim Trọng

PHÂN HIỆU ĐÀ NẰNG



TS. Huỳnh Ngọc Hào

TRUNG TÂM BD NGHIỆP VỤ VÀ
KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG



ThS. Huỳnh Quốc Hùng

TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ
TIN HỌC



ThS. Lê Đức Tâm

KHOA KHOA HỌC CƠ BẢN



PGS. TS. Đào Văn Dương

MỤC LỤC
(KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2024 – 2025)

TT	NỘI DUNG	SỐ TRANG	TRANG
I.	TỔNG QUÁT	11	01-11
1.1.	Mục lục	01	01
1.2.	Quy mô đào tạo năm học 2024-2025	05	02-07
1.3.	Kế hoạch tổng quát năm học 2024-2025	04	08-11
II.	KẾ HOẠCH CHI TIẾT THEO LỚP	109	12-120
2.1.	Khoa Xây dựng	20	12-31
2.2.	Khoa Hạ tầng kỹ thuật – Công nghệ	24	32-55
2.3.	Khoa Kiến trúc	09	56-64
2.4.	Khoa Kinh tế và Quản lý xây dựng	25	65-89
2.5.	Phân hiệu Đà Nẵng	30	90-119
2.6.	Trung tâm bồi dưỡng nghiệp vụ và Kiểm định xây dựng	01	120
III.	TỔNG HỢP GIỜ GIẢNG	12	
3.1.	Tổng hợp giờ giảng toàn trường	01	121
3.2.	Tổng hợp giờ giảng viên	11	122-132
IV.	KẾ HOẠCH GHÉP LỚP		
4.1.	Kế hoạch ghép lớp tại cơ sở Phú Yên		
4.2.	Kế hoạch ghép lớp tại cơ sở Phân hiệu Đà Nẵng		

QUY MÔ ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2024-2025

TT	STT	Mã lớp	Bậc Đào tạo	Khóa học	Mã ngành	Tên ngành	Tên chuyên ngành	SL nhập học	SL hiện tại	Khu	Buổi	Khoa QLSV	Ghi chú
							QUY MÔ TOÀN TRƯỜNG NĂM HỌC 2024-2025 (DỰ KIẾN)	3398	2015				
							QUY MÔ CƠ SỞ PHỤ YÊN NĂM HỌC 2024-2025 (DỰ KIẾN)	2141	1568				
							TỔNG CÁC KHÓA CỬ ĐẾN NĂM HỌC 2024-2025	2141	1568				
							I. KHOA XÂY DỰNG	809	562				
1	1	D20XDK1	Đại học	D20	XDDD&CN_18	Kỹ thuật xây dựng	XD Dân dụng và Công nghiệp	48	41	A	CHIỀU	Khoa Xây dựng	
2	2	D20XDK2	Đại học	D20	XDDD&CN_18	Kỹ thuật xây dựng	XD Dân dụng và Công nghiệp	49	27	A	CHIỀU	Khoa Xây dựng	
3	3	D20XDK3	Đại học	D20	XDDD&CN_18	Kỹ thuật xây dựng	XD Dân dụng và Công nghiệp	46	24	A	CHIỀU	Khoa Xây dựng	
4	4	D20XDK5	Đại học	D20	XDDD&CN_18	Kỹ thuật xây dựng	XD Dân dụng và Công nghiệp	72	27	A	CHIỀU	Khoa Xây dựng	
5	5	D21XDK1	Đại học	D21	XDDD&CN_18	Kỹ thuật xây dựng	XD Dân dụng và Công nghiệp	54	34	B	CHIỀU	Khoa Xây dựng	
6	6	D21XDK2	Đại học	D21	XDDD&CN_18	Kỹ thuật xây dựng	XD Dân dụng và Công nghiệp	52	43	B	CHIỀU	Khoa Xây dựng	
7	7	D21XDK3	Đại học	D21	XDDD&CN_18	Kỹ thuật xây dựng	XD Dân dụng và Công nghiệp	51	33	B	CHIỀU	Khoa Xây dựng	
8	8	D21XDK4	Đại học	D21	XDDD&CN_18	Kỹ thuật xây dựng	XD Dân dụng và Công nghiệp	52	25	B	CHIỀU	Khoa Xây dựng	
9	9	D22XDK1	Đại học	D22	XDDD&CN_18	Kỹ thuật xây dựng	XD Dân dụng và Công nghiệp	44	35	B	CHIỀU	Khoa Xây dựng	
10	10	D22XDK2	Đại học	D22	XDDD&CN_18	Kỹ thuật xây dựng	XD Dân dụng và Công nghiệp	44	38	B	CHIỀU	Khoa Xây dựng	
11	11	D22XDK3	Đại học	D22	XDDD&CN_18	Kỹ thuật xây dựng	XD Dân dụng và Công nghiệp	46	29	B	CHIỀU	Khoa Xây dựng	
12	12	D22XDK4	Đại học	D22	XDDD&CN_18	Kỹ thuật xây dựng	XD Dân dụng và Công nghiệp	47	26	B	CHIỀU	Khoa Xây dựng	
13	13	D23XDK1	Đại học	D23	XDDD&CN_18	Kỹ thuật xây dựng	XD Dân dụng và Công nghiệp	46	39	B	SÁNG	Khoa Xây dựng	
14	14	D23XDK2	Đại học	D23	XDDD&CN_18	Kỹ thuật xây dựng	XD Dân dụng và Công nghiệp	45	37	B	SÁNG	Khoa Xây dựng	
15	15	D23XDK3	Đại học	D23	XDDD&CN_18	Kỹ thuật xây dựng	XD Dân dụng và Công nghiệp	47	44	B	SÁNG	Khoa Xây dựng	
16	16	D23XDK4	Đại học	D23	XDDD&CN_18	Kỹ thuật xây dựng	XD Dân dụng và Công nghiệp	56	50	B	SÁNG	Khoa Xây dựng	
							II. KHOA KIẾN TRÚC	246	184				
							Nhóm lớp Kiến trúc	192	140				
17	1	D20KTR1	Đại học	D20	KTR	Kiến trúc	Kiến trúc công trình	56	32	B	CHIỀU	Khoa Kiến trúc	
18	2	D21KTR1	Đại học	D21	KTR-21	Kiến trúc	Kiến trúc công trình	52	37	B	CHIỀU	Khoa Kiến trúc	
19	3	D22KTR1	Đại học	D22	KTR-21	Kiến trúc	Kiến trúc công trình	47	38	B	SÁNG	Khoa Kiến trúc	
20	4	D23KTR1	Đại học	D23	KTR-21	Kiến trúc	Kiến trúc công trình	37	33	B	SÁNG	Khoa Kiến trúc	
							Nhóm lớp Kiến trúc nội thất	54	44				
21	5	D21KNT1	Đại học	D21	KTRNT-21	Kiến trúc nội thất	Kiến trúc nội thất	18	14	B	SÁNG	Khoa Kiến trúc	
22	6	D22KNT1	Đại học	D22	KTRNT-21	Kiến trúc nội thất	Kiến trúc nội thất	16	13	B	CHIỀU	Khoa Kiến trúc	
23	7	D23KNT1	Đại học	D23	KTRNT-21	Kiến trúc nội thất	Kiến trúc nội thất	20	17	B	SÁNG	Khoa Kiến trúc	
24	8	D22QDC1	Đại học	D22	QLDTCR	Quản lý đô thị và công trình	Quản lý đô thị và công trình	2	1	B	CHIỀU	Khoa Kiến trúc	
							III. KHOA HTKT - CN	482	343				
							Nhóm lớp Công nghệ thông tin	163	115				
25	1	D21CTC1	Đại học	D21	CNTT-21	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	50	32		CHIỀU	Khoa HTKT và Công nghệ	
26	2	D22CTC1	Đại học	D22	CNTT-21	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	55	35		CHIỀU	Khoa HTKT và Công nghệ	
27	3	D23CTC1	Đại học	D23	CNTT-21	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	41	33		CHIỀU	Khoa HTKT và Công nghệ	
28	4	D23CTC2	Đại học	D23	CNTT-21	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	13	11		CHIỀU	Khoa HTKT và Công nghệ	
29	5	D23CTC4	Đại học	D23_LT	CNTT-21_LT	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	4	4			Khoa HTKT và Công nghệ	Không lập KH riêng
							Nhóm lớp Cầu đường	114	80				
30	6	D20CDK1	Đại học	D20	XDCTGT	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Xây dựng cầu đường	32	18	A	CHIỀU	Khoa HTKT và Công nghệ	
31	7	D21CDK1	Đại học	D21	XDCTGT	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Xây dựng cầu đường	26	19	B	CHIỀU	Khoa HTKT và Công nghệ	
32	8	D22CDK1	Đại học	D22	XDCTGT	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Xây dựng cầu đường	28	17	B	CHIỀU	Khoa HTKT và Công nghệ	

QUY MÔ ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2024-2025

TT	STT	Mã lớp	Bậc Đào tạo	Khóa học	Mã ngành	Tên ngành	Tên chuyên ngành	SL nhập học	SL hiện tại	Khu	Buổi	Khoa QLSV	Ghi chú
33	9	D23CDK1	Đại học	D23	XDCTGT	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Xây dựng cầu đường	28	26	B	SÁNG	Khoa HTKT và Công nghệ	
		Nhóm lớp Cấp thoát nước						31	13				
34	10	D20CNK1	Đại học	D20	KTCTN_18	Kỹ thuật cấp thoát nước	Cấp thoát nước	12	5	A	CHIỀU	Khoa HTKT và Công nghệ	
35	11	D21CNK1	Đại học	D21	KTCTN_18	Kỹ thuật cấp thoát nước	Cấp thoát nước	4	2	B	SÁNG	Khoa HTKT và Công nghệ	
36	12	D22CNK1	Đại học	D22	KTCTN_18	Kỹ thuật cấp thoát nước	Cấp thoát nước	7				Khoa HTKT và Công nghệ	Không lập KH riêng
37	13	D23CNK1	Đại học	D23	KTCTN_18	Kỹ thuật cấp thoát nước	Cấp thoát nước	8	6	B	CHIỀU	Khoa HTKT và Công nghệ	
		Nhóm lớp Cơ - Ô tô - Điện tử						174	135				
38	14	D20XCK1	Đại học	D20	HKKTCTR_19	Kỹ thuật xây dựng	HT kỹ thuật cơ điện công trình	12	9	A	CHIỀU	Khoa HTKT và Công nghệ	
39	15	D21XCK1	Đại học	D21	HKKTCTR_19	Kỹ thuật xây dựng	HT kỹ thuật cơ điện công trình	14	6	B	SÁNG	Khoa HTKT và Công nghệ	
40	16	D22XCK1	Đại học	D22	HKKTCTR_19	Kỹ thuật xây dựng	HT kỹ thuật cơ điện công trình	10	5	B	SÁNG	Khoa HTKT và Công nghệ	
41	17	D23COK1	Đại học	D23	CNKTOTO_23	Công nghệ Kỹ thuật ô tô	Công nghệ Kỹ thuật ô tô	43	36	B	SÁNG	Khoa HTKT và Công nghệ	
42	18	D23COK2	Đại học	D23	CNKTOTO_23	Công nghệ Kỹ thuật ô tô	Công nghệ Kỹ thuật ô tô	46	38	B	SÁNG	Khoa HTKT và Công nghệ	
43	19	D23COK3	Đại học	D23	CNKTOTO_23	Công nghệ Kỹ thuật ô tô	Công nghệ Kỹ thuật ô tô	41	33		SÁNG	Khoa HTKT và Công nghệ	
44	20	D23TDK1	Đại học	D23	KTDT_TDH_23	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	8	8	B	CHIỀU	Khoa HTKT và Công nghệ	
		IV. KHOA KT&QLXD						604	479				
		Nhóm lớp KTXD						88	75				
45	1	D21KXC1	Đại học	D21.	KTXD-DH_19	Kinh tế xây dựng	Kinh tế xây dựng	43	34	B	CHIỀU	Khoa Kinh tế & QLXD	
46	2	D22KXC1	Đại học	D22.	KTXD-DH_19	Kinh tế xây dựng	Kinh tế xây dựng	27	24	B	CHIỀU	Khoa Kinh tế & QLXD	
47	3	D23KXC1	Đại học	D23	KTXD-DH_19	Kinh tế xây dựng	Kinh tế xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp	18	17	B	CHIỀU	Khoa Kinh tế & QLXD	
		Nhóm lớp QLXD						73	51				
48	4	D21QXC1	Đại học	D21.	QLXD-DH_19	Quản lý xây dựng	Quản lý xây dựng	17	11	B	CHIỀU	Khoa Kinh tế & QLXD	
49	5	D22QXC1	Đại học	D22.	QLXD-DH_19	Quản lý xây dựng	Quản lý xây dựng	31	18	B	CHIỀU	Khoa Kinh tế & QLXD	
50	6	D23QXC1	Đại học	D23	QLXD-DH_19	Quản lý xây dựng	Quản lý xây dựng	25	22	B	CHIỀU	Khoa Kinh tế & QLXD	
		Nhóm lớp Kế toán						174	140				
51	7	D21KDC1	Đại học	D21.	KTOAN_KTDN_19	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	55	39	B	CHIỀU	Khoa Kinh tế & QLXD	
52	8	D22KDC1	Đại học	D22.	KTOAN_KTDN_19	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	70	56	B	CHIỀU	Khoa Kinh tế & QLXD	
53	9	D23KDC1	Đại học	D23	KTOAN_KTDN_19	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	48	44	B	CHIỀU	Khoa Kinh tế & QLXD	
54	10	D23KDC3	Đại học	D23_LT	KTOAN_KTDN_19	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1	1				Không lập KH riêng
		Nhóm lớp QTKD - Logistic - TCNH						269	213				
55	11	D21QHC1	Đại học	D21.	QTKD-21	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	66	48	B	CHIỀU	Khoa Kinh tế & QLXD	
56	12	D22QHC1	Đại học	D22.	QTKD-21	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	68	51	B	CHIỀU	Khoa Kinh tế & QLXD	
57	13	D23QHC1	Đại học	D23	QTKD-21	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	37	32	B	CHIỀU	Khoa Kinh tế & QLXD	
58	14	D22QSC1	Đại học	D22.	QTKD-21	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh NH-KS	19	16	B	CHIỀU	Khoa Kinh tế & QLXD	
59	15	D23QSC1	Đại học	D23	QTKD-21	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh NH-KS	12	11	B	CHIỀU	Khoa Kinh tế & QLXD	
60	16	D21QLC1	Đại học	D21.	QTKD-21	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh du lịch	6	6	B	CHIỀU	Khoa Kinh tế & QLXD	
61	17	D22QLC1	Đại học	D22.	QTKD-21	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh du lịch	6				Khoa Kinh tế & QLXD	Không lập KH riêng
62	18	D23QLC1	Đại học	D23	QTKD-21	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh du lịch	4	3			Khoa Kinh tế & QLXD	Không lập KH riêng
63	19	D23LQC1	Đại học	D23	LOGIC_QLCCU_23	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	29	25	B	CHIỀU	Khoa Kinh tế & QLXD	
64	20	D23TNC1	Đại học	D23	TCNH_23	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng	22	21	B	CHIỀU	Khoa Kinh tế & QLXD	

QUY MÔ ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2024-2025

TT	STT	Mã lớp	Bậc Đào tạo	Khóa học	Mã ngành	Tên ngành	Tên chuyên ngành	SL nhập học	SL hiện tại	Khu	Buổi	Khoa QLSV	Ghi chú
				TUYỂN SINH MỖI NĂM 2024 (DỰ KIẾN)				770					
				KHÓA 2024-2025				770					
		I. KHOA XÂY DỰNG						204					
65	1	D24XDK1	Đại học	D24	XDDD&CN_18	Kỹ thuật xây dựng	XD Dân dụng và Công nghiệp	51			SÁNG	Khoa Xây dựng	
66	2	D24XDK2	Đại học	D24	XDDD&CN_18	Kỹ thuật xây dựng	XD Dân dụng và Công nghiệp	51			SÁNG	Khoa Xây dựng	
67	3	D24XDK3	Đại học	D24	XDDD&CN_18	Kỹ thuật xây dựng	XD Dân dụng và Công nghiệp	51			SÁNG	Khoa Xây dựng	
68	4	D24XDK4	Đại học	D24	XDDD&CN_18	Kỹ thuật xây dựng	XD Dân dụng và Công nghiệp	51			SÁNG	Khoa Xây dựng	
		II. KHOA KIẾN TRÚC						53					
69	1	D24KTR1	Đại học	D24	KTR-21	Kiến trúc	Kiến trúc công trình	38			SÁNG	Khoa Kiến trúc	
70	2	D24KNT1	Đại học	D24	KTRNT-21	Kiến trúc nội thất	Kiến trúc nội thất	15			SÁNG	Khoa Kiến trúc	
		III. KHOA HTKT - CN						220					
71	1	D24CTC1	Đại học	D24	CNTT-21	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	45			SÁNG	Khoa HTKT và Công nghệ	
72	2	D24CDK1	Đại học	D24	XDCTGT	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Xây dựng cầu đường	50			SÁNG	Khoa HTKT và Công nghệ	
73	3	D24CNK1	Đại học	D24	KTCTN_18	Kỹ thuật cấp thoát nước	Cấp thoát nước	20			SÁNG	Khoa HTKT và Công nghệ	
74	4	D24COK1	Đại học	D24	CNKTOTO_23	Công nghệ Kỹ thuật ô tô	Công nghệ Kỹ thuật ô tô	40			SÁNG	Khoa HTKT và Công nghệ	
75	5	D24COK2	Đại học	D24	CNKTOTO_23	Công nghệ Kỹ thuật ô tô	Công nghệ Kỹ thuật ô tô	40			SÁNG	Khoa HTKT và Công nghệ	
76	6	D24TDK1	Đại học	D24	KTDT_TDH_23	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	25			SÁNG	Khoa HTKT và Công nghệ	
		IV. KHOA KT&QLXD						293					
77	1	D24KXC1	Đại học	D24	KTXD-DH_19	Kinh tế xây dựng	Kinh tế xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp	45			SÁNG	Khoa Kinh tế & QLXD	
78	2	D24QXC1	Đại học	D24	QLXD-DH_19	Quản lý xây dựng	Quản lý xây dựng	30			SÁNG	Khoa Kinh tế & QLXD	
79	3	D24LQC1	Đại học	D24	LOGIC_QLCCU_23	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	35			SÁNG	Khoa Kinh tế & QLXD	
80	4	D24KDC1	Đại học	D24	KTOAN_KTDN_19	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	40			SÁNG	Khoa Kinh tế & QLXD	
81	5	D24QHC1	Đại học	D24	QTKD-21	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	45			SÁNG	Khoa Kinh tế & QLXD	
82	6	D24TNC1	Đại học	D24	TCNH_23	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng	18			SÁNG	Khoa Kinh tế & QLXD	
83	7	D24TMC1	Đại học	D24	TMDT_24	Thương mại điện tử	Thương mại điện tử	80			SÁNG	Khoa Kinh tế & QLXD	
				CÁC LỚP CAO HỌC NĂM HỌC 2024-2025				76	76				
84	1	CH20X1	Cao học	CH20	XDDD&CN_CH	Kỹ thuật xây dựng	XD Dân dụng và Công nghiệp	8	8			Khoa Sau đại học	
85	2	CH21X1	Cao học	CH21	XDDD&CN_CH	Kỹ thuật xây dựng	XD Dân dụng và Công nghiệp	13	13			Khoa Sau đại học	
86	3	CH22X1	Cao học	CH22	XDDD&CN_CH	Kỹ thuật xây dựng	XD Dân dụng và Công nghiệp	5	5			Khoa Sau đại học	
87	4	CH23X1	Cao học	CH23	XDDD&CN_CH	Kỹ thuật xây dựng	XD Dân dụng và Công nghiệp	25	25			Khoa Sau đại học	
88	5	CH23K1	Cao học	CH23	KTR_CH	Kiến trúc	Kiến trúc công trình	25	25			Khoa Sau đại học	
				CÁC LỚP HỌC KHÁC NĂM HỌC 2024-2025 (VLVH)				411	371				
89	1	D20CNK3NT	Đại học	D20VL	KTCTN_18_VL	Kỹ thuật cấp thoát nước	Cấp thoát nước	38	28			Khoa HTKT và Công nghệ	Ninh Thuận
90	2	D21CNK1KH	Đại học	D21VL	KTCTN_18_VL	Kỹ thuật cấp thoát nước	Cấp thoát nước	35	31			Khoa HTKT và Công nghệ	Khánh Hòa
91	3	D21CNK2BD	Đại học	D21VL	KTCTN_18_VL	Kỹ thuật cấp thoát nước	Cấp thoát nước	15	15			Khoa HTKT và Công nghệ	Bình Định
92	4	D21XDK1LD	Đại học	D21VL	XDDD&CN_18_VL	Kỹ thuật xây dựng	XD Dân dụng và Công nghiệp	29	18			Khoa Xây dựng	Lâm Đồng
93	5	D21XDK2BD	Đại học	D21VL	XDDD&CN_18_VL	Kỹ thuật xây dựng	XD Dân dụng và Công nghiệp	11	7			Khoa Xây dựng	Bình Định
94	6	D21KTR1KH	Đại học	D21VL	KTR-21_VL	Kiến trúc	Kiến trúc công trình	18	11			Khoa Kiến trúc	Khánh Hòa
95	7	D21KTR2PY	Đại học	D21VL	KTR-21_VL	Kiến trúc	Kiến trúc công trình	5	4			Khoa Kiến trúc	Phú Yên
96	8	D22CNK1BD	Đại học	D22VL	KTCTN_18_VL	Kỹ thuật cấp thoát nước	Cấp thoát nước	9	7			Khoa HTKT và Công nghệ	Bình Định
97	9	D22CNK2PY	Đại học	D22VL	KTCTN_18_VL	Kỹ thuật cấp thoát nước	Cấp thoát nước	8	7			Khoa HTKT và Công nghệ	Phú Yên
98	10	D23KTR2HCM	Đại học	D23VL	KTR-21_VL	Kiến trúc	Kiến trúc công trình	39	39			Khoa Kiến trúc	Hồ Chí Minh

QUY MÔ ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2024-2025

TT	STT	Mã lớp	Bậc Đào tạo	Khóa học	Mã ngành	Tên ngành	Tên chuyên ngành	SL nhập học	SL hiện tại	Khu	Buổi	Khoa QLSV	Ghi chú
99	11	D23KTR1KH	Đại học	D23VL	KTR-21_VL	Kiến trúc	Kiến trúc công trình	22	22			Khoa Kiến trúc	Khánh Hòa
100	12	D23CNK2KH	Đại học	D23VL	KTCTN_18_VL	Kỹ thuật cấp thoát nước	Cấp thoát nước	28	28			Khoa HTKT và Công nghệ	Khánh Hòa
101	13	D23XDK1PY	Đại học	D23VL	XDDD&CN_18_VL	Kỹ thuật xây dựng	XD Dân dụng và Công nghiệp	11	11			Khoa Xây dựng	Phú Yên
102	14	D23CDK1PY	Đại học	D23VL	XDCTGT_VL	Kỹ thuật xây dựng công trình	Xây dựng cầu đường	29	29			Khoa HTKT và Công nghệ	Phú Yên
103	15	D23KDC1PY	Đại học	D23VL	KTOAN_KTDN_19_VL	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	22	22			Khoa Kinh tế & QLXD	Phú Yên
104	16	D23XDK2BD	Đại học	D23VL	XDDD&CN_18_VL	Kỹ thuật xây dựng	XD Dân dụng và Công nghiệp	23	23			Khoa Xây dựng	Bình Định
105	17	D23XDK3QNg	Đại học	D23VL	XDDD&CN_18_VL	Kỹ thuật xây dựng	XD Dân dụng và Công nghiệp	23	23			Khoa Xây dựng	Quảng Ngãi
106	18	D23CNK1HUE	Đại học	D23VL	KTCTN_18_VL	Kỹ thuật cấp thoát nước	Cấp thoát nước	46	46			Khoa HTKT và Công nghệ	Huế

QUY MÔ ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2024-2025

TT	STT	Mã lớp	Bậc Đào tạo	Khóa học	Mã ngành	Tên ngành	Tên chuyên ngành	SL nhập học	SL hiện tại	Khu	Buổi	Khoa QLSV	Ghi chú
		QUY MÔ CƠ SỞ PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG NĂM HỌC 2024-2025 (DỰ KIẾN)											
		TỔNG CÁC KHÓA CỬ ĐẾN NĂM HỌC 2023-2024						560	517				
		K. Xây dựng						189	161				
1	1	D20X1DN	Đại học	D20	XDDD&CN_18	Kỹ thuật xây dựng	XD Dân dụng và Công nghiệp	49	39	A	SÁNG	K. Xây dựng	
2	2	D21X1DN	Đại học	D21	XDDD&CN_18	Kỹ thuật xây dựng	XD Dân dụng và Công nghiệp	29	26	A	SÁNG	K. Xây dựng	
3	3	D22X1DN	Đại học	D22	XDDD&CN_18	Kỹ thuật xây dựng	XD Dân dụng và Công nghiệp	46	42	A	SÁNG	K. Xây dựng	
4	4	D22X2DN	Đại học	D22_LT	XDDD&CN_18	Kỹ thuật xây dựng	XD Dân dụng và Công nghiệp	20	12	A	SÁNG	K. Xây dựng	
5	5	D23X1DN	Đại học	D23	XDDD&CN_18	Kỹ thuật xây dựng	XD Dân dụng và Công nghiệp	30	29	A	CHIỀU	K. Xây dựng	
6	6	D23X2DN	Đại học	D23_LT	XDDD&CN_18	Kỹ thuật xây dựng	XD Dân dụng và Công nghiệp	15	13	A	CHIỀU	K. Xây dựng	
		K. Kiến trúc						76	66				
7	1	D20K1DN	Đại học	D20	KTR	Kiến trúc	Kiến trúc công trình	10	7	B	SÁNG	K. Kiến trúc	
8	2	D21K1DN-K2DN	Đại học	D21	KTR	Kiến trúc	Kiến trúc công trình	15	13	B	CHIỀU	K. Kiến trúc	
9	3	D22K1DN	Đại học	D22	KTR-22	Kiến trúc	Kiến trúc công trình	20	16	B	SÁNG	K. Kiến trúc	
10	4	D23K1DN	Đại học	D23	KTR-22	Kiến trúc	Kiến trúc công trình	20	19	B	SÁNG	K. Kiến trúc	
11	5	D23K2DN	Đại học	D23_LT	KTR-22	Kiến trúc	Kiến trúc công trình	11	11	B	CHIỀU	K. Kiến trúc	
		K. HT KT&CN						34	29				
12	1	D20CD1DN	Đại học	D20	XDCTGT	Kỹ thuật xây dựng công trình	Xây dựng cầu đường	8	7	A	SÁNG	K. Cầu đường	
13	2	D22CD2DN	Đại học	D22_LT	XDCTGT	Kỹ thuật xây dựng công trình	Xây dựng cầu đường	15	11	A	CHIỀU	K. Cầu đường	
14	3	D23CD2DN	Đại học	D23_LT	XDCTGT	Kỹ thuật xây dựng công trình	Xây dựng cầu đường	11	11	B	SÁNG	K. Cầu đường	
		K. KT&QLXD						31	31				
15	1	D21QX1DN	Đại học	D20.	QLXD-DH_19	Quản lý xây dựng	Quản lý xây dựng	9	9	A	SÁNG	K. KT&QLXD	
16	2	D22QX1DN	Đại học	D22	QLXD-DH_19	Quản lý xây dựng	Quản lý xây dựng	14	14	A	CHIỀU	K. KT&QLXD	
17	3	D23QX1DN	Đại học	D23	QLXD-DH_19	Quản lý xây dựng	Quản lý xây dựng	8	8	B	SÁNG	K. KT&QLXD	
		TUYỂN SINH KHÓA 2024-						230	230				
		K. Xây dựng						30	30				
18	1	D24XDK1DN	Đại học	D24	XDDD&CN_18	Kỹ thuật xây dựng	XD Dân dụng và Công nghiệp	30	30	B	SÁNG	K. Xây dựng	
		K. Kiến trúc						40	40				
19	1	D24KTR1DN	Đại học	D24	KTR-21	Kiến trúc	Kiến trúc công trình	20	20	B	SÁNG	K. Kiến trúc	
20	2	D24KNT1DN	Đại học	D24	KTRNT-21	Kiến trúc nội thất	Kiến trúc nội thất	20	20	B	SÁNG	K. Kiến trúc	
		K. HT KT&CN						40	40				
21	1	D24COK1DN	Đại học	D24	XDCTGT	Công nghệ Kỹ thuật ô tô	Công nghệ Kỹ thuật ô tô	20	20	B	SÁNG	K. Cầu đường	
22	2	D24COK2DN	Đại học	D24	XDCTGT_LT	Công nghệ Kỹ thuật ô tô	Công nghệ Kỹ thuật ô tô	30*	30*	B	SÁNG	K. Cầu đường	
23	3	D24CTC1DN	Đại học	D24	XDCTGT_TD	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	20*	20*	B	SÁNG	K. Cầu đường	
24	4	D24TDK1DN	Đại học	D24	QLXD-DH_19	Kỹ thuật điều khiển và tự động	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	20	20	B	CHIỀU	K. Cầu đường	
		K. KT&QLXD						120	120				
25	5	D24LQC1DN	Đại học	D24	KTOAN_KTDN_19	Logistics và Quản lý chuỗi	Kế toán doanh nghiệp	20	20	B	CHIỀU	K. KT&QLXD	
26	6	D24QHC1DN	Đại học	D24	KTXD-DH_19_1	Quản trị kinh doanh	Quản lý xây dựng	20	20	B	CHIỀU	K. KT&QLXD	
27	7	D24QXC1DN	Đại học	D24	KTXD-DH_19	Quản lý xây dựng	Quản lý xây dựng	20	20	B	CHIỀU	K. KT&QLXD	
28	8	D24TNC1DN	Đại học	D24	QLXD-DH_19	Tài chính - Ngân hàng	Quản lý xây dựng	20	20	B	CHIỀU	K. KT&QLXD	
29	9	D24TMC1DN	Đại học	D24	QLXD-DH_19	Thương mại điện tử	Quản lý xây dựng	20	20	B	CHIỀU	K. KT&QLXD	
30	10	D24CDK1DN	Đại học	D24	XDCTGT	Kỹ thuật xây dựng công trình	Xây dựng cầu đường	20	20	B	CHIỀU	K. KT&QLXD	

Tên lớp bậc đại học các ngành (trừ khối ngành Khoa Kiến trúc) từ năm 2020 được đặt: D20ABCD	
D	Đại học.
20 (21)	Khóa tuyển sinh năm 2020 (2021).
A	Ký hiệu ngành học: X - Xây dựng; C - Cầu đường, C - cấp thoát nước, CNTT, CNKT ô tô; K - Kinh tế XD, Kế toán; Q -
B	Ký hiệu chuyên ngành: D - Xây dựng DD&CN, Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; X - Kinh tế Xây dựng DD&CN, Quản
C	Ký hiệu bậc học: T - Thạc sĩ; K - Kỹ sư, kiến trúc sư; C - Cử nhân
D	Số thứ tự lớp trong cùng ngành, chuyên ngành.
Tên lớp bậc đại học các ngành khối ngành Khoa Kiến trúc từ năm 2020 được đặt: D20EFGH	
D	Đại học.
20 (21)	Khóa tuyển sinh năm 2020 (2021).
E	Ký hiệu ngành học: K - Kiến trúc; Q - Quản lý đô thị công trình.
FG	Ký hiệu chuyên ngành: TR - kiến trúc; NT - nội thất; DC - Quản lý đô thị công trình.
H	Số thứ tự lớp trong cùng ngành, chuyên ngành.

Trang 8

Trang 9

Trang 10

Trang 11

BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO
NĂM HỌC 2024 – 2025
KẾ HOẠCH CHI TIẾT THEO LỚP
(CƠ SỞ PHÚ YÊN VÀ PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

TT	Học kỳ	Tên học phần	Số TC	Số tiết			Lớp	Số SV (HT)	Mã GV	Tên Giảng viên	Khu	Buổi	HỌC KỲ I												HỌC KỲ II												HỌC KỲ BÈ																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																		
				TS	LT	TH							7	8			9			10			11			12			1	2			3			4			5			6		7																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																											
														27	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	02		09	16	23	30	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	

THÔNG TIN LỚP HỌC

D20XDK1

Bậc: Đại học;

Khóa: D20;

Ngành: Kỹ thuật xây dựng;

C.Ngành: XD Dân dụng và Công nghiệp:

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

TT	Học kỳ	Tên học phần	Số TC	Số tiết			Lớp	Số SV (HT)	Mã GV	Tên Giảng viên	Khu	Buổi	HỌC KỲ I												HỌC KỲ II												HỌC KỲ HÈ																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
				TS	LT	TH							7	8			9			10			11			12			1	2			3			4			5			6			7																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																		
														1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15		16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30		31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99	100	101	102	103	104	105	106	107	108	109	110	111	112	113	114	115	116	117	118	119	120	121	122	123	124	125	126	127	128	129	130	131	132	133	134	135	136	137	138	139	140	141	142	143	144	145	146	147	148	149	150	151	152	153	154	155	156	157	158	159	160	161	162	163	164	165	166	167	168	169	170	171	172	173	174	175	176	177	178	179	180	181	182	183	184	185	186	187	188	189	190	191	192	193	194	195	196	197	198	199	200	201	202	203	204	205	206	207	208	209	210	211	212	213	214	215	216	217	218	219	220	221	222	223	224	225	226	227	228	229	230	231	232	233	234	235	236	237	238	239	240	241	242	243	244	245	246	247	248	249	250	251	252	253	254	255	256	257	258	259	260	261	262	263	264	265	266	267	268	269	270	271	272	273	274	275	276	277	278	279	280	281	282	283	284	285	286	287	288	289	290	291	292	293	294	295	296	297	298	299	300	301	302	303	304	305	306	307	308	309	310	311	312	313	314	315	316	317	318	319	320	321	322	323	324	325	326	327	328	329	330	331	332	333	334	335	336	337	338	339	340	341	342	343	344	345	346	347	348	349	350	351	352

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè

THÔNG TIN LỚP HỌC

D20XDK2

Bậc: Đại học;

Khóa: D20;

Ngành: Kỹ thuật xây dựng;

C.Ngành: XD Dân dụng và Công nghiệp;

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

TT	Học kỳ	Tên học phần	Số TC	Số tiết			Lớp	Số SV (HT)	Mã GV	Tên Giảng viên	Khu	Buổi	HỌC KỲ I												HỌC KỲ II												HỌC KỲ HÈ																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																									
				TS	LT	TH							7	8			9			10			11			12			1			2			3			4			5			6			7																																																																																																																																																																																																																																																																																																																															
														1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99	100	101	102	103	104	105	106	107	108	109	110	111	112	113	114	115	116	117	118	119	120	121	122	123	124	125	126	127	128	129	130	131	132	133	134	135	136	137	138	139	140	141	142	143	144	145	146	147	148	149	150	151	152	153	154	155	156	157	158	159	160	161	162	163	164	165	166	167	168	169	170	171	172	173	174	175	176	177	178	179	180	181	182	183	184	185	186	187	188	189	190	191	192	193	194	195	196	197	198	199	200	201	202	203	204	205	206	207	208	209	210	211	212	213	214	215	216	217	218	219	220	221	222	223	224	225	226	227	228	229	230	231	232	233	234	235	236	237	238	239	240	241	242	243	244	245	246	247	248	249	250	251	252	253	254	255	256	257	258	259	260	261	262	263	264	265	266	267	268	269	270	271	272	273	274	275	276	277	278	279	280	281	282	283	284	285	286	287	288	289	290	291	292	293	294	295	296	297	298	299	300	301	302	303	304	305	306	307	308	309	310	311	312	313	314	315	316	317	318	319	320	321	322	323	324	325	326	327	328	329	330	331	332	333	334	335	336	337	338	339	340	341	342	343	344	345	346	347	348	349	350	351	352	353

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè

THÔNG TIN LỚP HỌC

D20XDK3

Bậc: Đại học;

Khóa: D20;

Ngành: Kỹ thuật xây dựng;

C.Ngành: XD Dân dụng và Công nghiệp;

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

[illegible]

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè

THÔNG TIN LỚP HỌC

D20XDK5

Bậc: Đại học;

Khóa: D20;

Ngành: Kỹ thuật xây dựng;

C.Ngành: XD Dân dụng và Công nghiệp;

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

[illegible]

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè

THÔNG TIN LỚP HỌC

D21XDK1

Bậc: Đại học;

Khóa: D21;

Ngành: Kỹ thuật xây dựng;

C.Ngành: XD Dân dụng và Công nghiệp;

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

[illegible]

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè.

THÔNG TIN LỚP HỌC

D21XDK2

Bậc: Đại học;

Khóa: D21;

Ngành: Kỹ thuật xây dựng:

C.Ngành: XD Dân dụng và Công nghiệp;

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

TT	Học kỳ	Tên học phần	Số TC	Số tiết			Lớp	Số SV (HT)	Mã GV	Tên Giảng viên	Khu	Buổi	HỌC KỲ I												HỌC KỲ II														HỌC KỲ BÈ																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																															
				TS	LT	TH							7	8				9				10				11				12				1		2		3				4		5				6		7																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																				
														27	29	03	10	17	24	01	07	14	21	28	05	12	19	26	02	09	16	23	30	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè.

THÔNG TIN LỚP HỌC

D21XDK3

Bậc: Đại học;

Khóa: D21;

Ngành: Kỹ thuật xây dựng;

C.Ngành: XD Dân dụng và Công nghiệp;

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

[illegible]

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè

THÔNG TIN LỚP HỌC

D22XDK1

Bậc: Đại học:

Khóa: D22:

Ngành: Kỹ thuật xây dựng

C.Ngành: XD Dân dụng và Công nghiệp:

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

[illegible]

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè

THÔNG TIN LỚP HỌC

D22XDK2

Bậc: Đại học:

Khóa: D22:

Ngành: Kỹ thuật xây dựng

C.Ngành: XD Dân dụng và Công nghiệp:

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

TT	Học kỳ	Tên học phần	Số TC	Số tiết			Lớp	Số SV (HT)	Mã GV	Tên Giảng viên	Khu	Buổi	HỌC KỲ I												HỌC KỲ II												HỌC KỲ HÈ																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																								
				TS	LT	TH							7	8			9			10			11			12			1			2			3			4			5			6			7																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																														
														2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																													
1	1	Kết cấu nhà bê tông cốt thép	3	45	45		D22XDK3	29	405	Phạm Trí Quang	B	CHIỀU	2	3	9	-	03	-	10	-	17	-	24	-	31	-	07	-	14	-	21	-	28	-	04	-	11	-	18	-	25	-	01	-	08	-	15	-	22	-	29	-	05	-	12	-	19	-	26	-	03	-	10	-	17	-	24	-	31	-	07	-	14	-	21	-	28	-	04	-	11	-	18	-	25	-	01	-	08	-	15	-	22	-	29	-	05	-	12	-	19	-	26	-	03	-	10	-	17	-	24	-	31	-	07	-	14	-	21	-	28	-	04	-	11	-	18	-	25	-	01	-	08	-	15	-	22	-	29	-	05	-	12	-	19	-	26	-	03	-	10	-	17	-	24	-	31	-	07	-	14	-	21	-	28	-	04	-	11	-	18	-	25	-	01	-	08	-	15	-	22	-	29	-	05	-	12	-	19	-	26	-	03	-	10	-	17	-	24	-	31	-	07	-	14	-	21	-	28	-	04	-	11	-	18	-	25	-	01	-	08	-	15	-	22	-	29	-	05	-	12	-	19	-	26	-	03	-	10	-	17	-	24	-	31	-	07	-	14	-	21	-	28	-	04	-	11	-	18	-	25	-	01	-	08	-	15	-	22	-	29	-	05	-	12	-	19	-	26	-	03	-	10	-	17	-	24	-	31	-	07	-	14	-	21	-	28	-	04	-	11	-	18	-	25	-	01	-	08	-	15	-	22	-	29	-	05	-	12	-	19	-	26	-	03	-	10	-	17	-	24	-	31	-	07	-	14	-	21	-	28	-	04	-	11	-	18	-	25	-	01	-	08	-	15	-	22	-	29	-	05	-	12	-	19	-	26	-	03	-	10	-	17	-	24	-	31	-	07	-	14	-	21	-	28	-	04	-	11	-	18	-	25	-	01	-	08	-	15	-	22	-	29	-	05	-	12	-	19	-	26	-	03	-	10	-	17	-	24	-	31	-	07	-	14	-	21	-	28	-	04	-	11	-	18	-	25	-	01	-	08	-	15	-	22	-	29	-	05	-	12	-	19	-	26	-	03	-	10	-	17	-	24	-	31	-	07	-	14	-	21	-	28	-	04	-	11	-	18	-	25	-	01	-	08	-	15	-	22	-	29	-	05	-	12	-	19	-	26	-	03	-	10	-	17	-	24	-	31	-	07	-	14	-	21	-	28	-	04	-	11	-	18	-	25	-	01	-	08	-	15	-	22	-	29	-	05	-	12	-	19

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè

THÔNG TIN LỚP HỌC

D22XDK3

Bậc: Đại học:

Khóa: D22:

Ngành: Kỹ thuật xây dựng:

C.Ngành: XD Dân dụng và Công nghiệp:

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

[illegible]

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè

THÔNG TIN LỚP HỌC

D22XDK4

Bậc: Đại học:

Khóa: D22:

Ngành: Kỹ thuật xây dựng:

C.Ngành: XD Dân dụng và Công nghiệp:

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

TT	Học kỳ	Tên học phần	Số TC	Số tiết			Lớp	Số SV (HT)	Mã GV	Tên Giảng viên	Khu	Buổi	HỌC KỲ I												HỌC KỲ II															HỌC KỲ BÈ																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
				7	8								9					10		11			12		1		2			3			4			5			6		7																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																									
					27	2							29	3	05	10	12	17	24	31	7	02	07	14	21	28	05	12	19	26	02	09	16	23	30	07	14	21	28	04	11	18	25	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	15	22	01	08	1

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè

THÔNG TIN LỚP HỌC

D23XDK1

Bậc: Đại học;

Khóa: D23;

Ngành: Kỹ thuật xây dựng;

C.Ngành: XD Dân dụng và Công nghiệp:

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

[illegible]

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè

THÔNG TIN LỚP HỌC

D23XDK2

Bậc: Đại học;

Khóa: D23;

Ngành: Kỹ thuật xây dựng;

C.Ngành: XD Dân dụng và Công nghiệp:

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

TT	Học kỳ	Tên học phần	Số TC	Số tiết			Lớp	Số SV (HT)	Mã GV	Tên Giảng viên	Khu	Buổi	HỌC KỲ I																								HỌC KỲ II																				HỌC KỲ BÈ																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																														
				TS	LT	TH							7	8					9					10				11				12				1		2				3				4				5				6		7																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																															
														27	28	29	30	31	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	01

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè

THÔNG TIN LỚP HỌC

D23XDK3

Bậc: Đại học;

Khóa: D23;

Ngành: Kỹ thuật xây dựng;

C.Ngành: XD Dân dụng và Công nghiệp:

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

[illegible]

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dư trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè

THÔNG TIN LỚP HỌC

D23XDK4

Bậc: Đại học:

Khóa: D23:

Ngành: Kỹ thuật xây dựng:

C.Ngành: XD Dân dụng và Công nghiệp:

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

[illegible]

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè.

THÔNG TIN LỚP HỌC

D24XDK1

Bậc: Đại học:

Khóa: D24:

Ngành: Kỹ thuật xây dựng:

C.Ngành: XD Dân dụng và Công nghiệp:

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

TT	Học kỳ	Tên học phần	Số TC	Số tiết			Lớp	Số SV (HT)	Mã GV	Tên Giảng viên	Khu	Buổi	HỌC KỲ I												HỌC KỲ II														HỌC KỲ HÈ																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																				
				TS	LT	TH							7	8			9	10			11			12			1		2		3			4		5			6		7																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																		
														1	2	3		4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																									
1	1	Giải tích 1	2	30	30	D24XDK2		248	Ngô Thị Hồng		SÁNG	1	22	2	29	-	03	3	05	-	10	4	12	-	17	5	19	-	24	6	26	-	31	7	02	-	07	8	09	-	14	9	16	-	21	10	23	-	28	11	30	-	05	12	07	-	12	13	14	-	19	14	21	-	26	15	28	-	02	16	04	-	09	17	11	-	16	18	18	-	23	19	25	-	30	20	02	-	07	21	09	-	14	22	16	-	21	23	23	-	28	24	30	-	04	25	06	-	11	26	13	-	18	27	20	-	25	28	27	-	01	29	03	-	08	30	10	-	15	31	17	-	22	32	24	-	01	33	03	-	08	34	10	-	15	35	17	-	22	36	24	-	29	37	31	-	05	38	07	-	12	39	14	-	19	40	21	-	26	41	28	-	03	42	05	-	10	43	12	-	17	44	19	-	24	45	26	-	31	46	02	-	07	47	09	-	14	48	16	-	21	49	23	-	28	50	30	-	05	51	07	-	12	52	1	-	09																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																		
2	1	Giáo dục thể chất 1	1	30		30	D24XDK2	241	Nguyễn Văn Minh		SÁNG																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè

THÔNG TIN LỚP HỌC

D24XDK2

Bậc: Đại học:

Khóa: D24:

Ngành: Kỹ thuật xây dựng:

C.Ngành: XD Dân dụng và Công nghiệp:

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

[illegible]

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè.

THÔNG TIN LỚP HỌC

D24XDK3

Bậc: Đại học;

Khóa: D24;

Ngành: Kỹ thuật xây dựng:

C.Ngành: XD Dân dụng và Công nghiệp:

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

[illegible]

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè.

THÔNG TIN LỚP HỌC

D24XDK4

Bậc: Đại học:

Khóa: D24:

Ngành: Kỹ thuật xây dựng:

C.Ngành: XD Dân dụng và Công nghiệp:

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

TT	Học kỳ	Tên học phần	Số TC	Số tiết			Lớp	Số SV (HT)	Mã GV	Tên Giảng viên	Khu	Buổi	HỌC KỲ I												HỌC KỲ II												HỌC KỲ BÈ																																																																											
				TS	LT	TH							7	8			9			10			11			12			1	2			3			4			5	6			7	8																																																																				
														1	2	3	1	2	3	1	2	3	1	2	3	1	2	3		1	2	3	1	2	3	1	2	3		1	2	3			1	2	3																																																																	
													1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99	100

[illegible]

ực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè.

THÔNG TIN LỚP HỌC

D21CTC1

Bậc: Đại học;

Khóa: D21.;

Ngành: Công nghệ thông tin;

C.Ngành: Công nghệ thông tin;

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

[illegible]

ực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè.

THÔNG TIN LỚP HỌC

D22CTC1

Bậc: Đại học;

Khóa: D22.;

Ngành: Công nghệ thông tin;

C.Ngành: Công nghệ thông tin;

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

[illegible]

ực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè.

THÔNG TIN LỚP HỌC

D23CTC1

Bậc: Đại học:

Khóa: D23.:

Ngành: Công nghệ thông tin:

C.Ngành: Công nghệ thông tin:

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

[illegible]

ực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè.

THÔNG TIN LỚP HỌC

D23CTC2

Bậc: Đại học:

Khóa: D23.:

Ngành: Công nghệ thông tin:

C.Ngành: Công nghệ phần mềm

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

[illegible]

ực tập cuối khóa: (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè.

THÔNG TIN LỚP HỌC

D24CTC1

Bậc: Đại học;

Khóa: D24;

Ngành: Công nghệ thông tin:

C.Ngành: Công nghệ thông tin:

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

TT	Học kỳ	Tên học phần	Số TC	Số tiết			Lớp	Số SV (HT)	Mã GV	Tên Giảng viên	Khu	Buổi	HỌC KỲ I												HỌC KỲ II										HỌC KỲ BÈ																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																									
				TS	LT	TH							7	8			9			10			11			12			1		2		3			4		5			6		7																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																	
														- 27	2	29	- 03	-	3	05	-	10	-	17	-	24	-	31	7	02	-	07	14	-	21	-	28	24	30	-	04	25	06	-	11	18	-	25	31	07	12	19	-	26	-	03	10	-	17	24	31	07	14	-	21	-	28	05	12	19	-	26	-	03	10	-	17	24	31	07	14	-	21	-	28	05	12	19	-	26	-	03	10	-	17	24	31	07	14	-	21	-	28	05	12	19	-	26	-	03	10	-	17	24	31	07	14	-	21	-	28	05	12	19	-	26	-	03	10	-	17	24	31	07	14	-	21	-	28	05	12	19	-	26	-	03	10	-	17	24	31	07	14	-	21	-	28	05	12	19	-	26	-	03	10	-	17	24	31	07	14	-	21	-	28	05	12	19	-	26	-	03	10	-	17	24	31	07	14	-	21	-	28	05	12	19	-	26	-	03	10	-	17	24	31	07	14	-	21	-	28	05	12	19	-	26	-	03	10	-	17	24	31	07	14	-	21	-	28	05	12	19	-	26	-	03	10	-	17	24	31	07	14	-	21	-	28	05	12	19	-	26	-	03	10	-	17	24	31	07	14	-	21	-	28	05	12	19	-	26	-	03	10	-	17	24	31	07	14	-	21	-	28	05	12	19	-	26	-	03	10	-	17	24	31	07	14	-	21	-	28	05	12	19	-	26	-	03	10	-	17	24	31	07	14	-	21	-	28	05	12	19	-	26	-	03	10	-	17	24	31	07	14	-	21	-	28	05	12	19	-	26	-	03	10	-	17	24	31	07	14	-	21	-	28	05	12	19	-	26	-	03	10	-	17	24	31	07	14	-	21	-	28	05	12	19	-	26	-	03	10	-	17	24	31	07	14	-	21	-	28	05	12	19	-	26	-	03	10	-	17	24	31	07	14	-	21	-	28	05	12	19</

ực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè.

THÔNG TIN LỚP HỌC

D20CDK1

Bậc: Đại học;

Khóa: D20;

Ngành: Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông;

C.Ngành: Xây dựng cầu đường;

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

[illegible]

ực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè.

THÔNG TIN LỚP HỌC

D22CDK1

Bậc: Đại học;

Khóa: D22;

Ngành: Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông;

C.Ngành: Xây dựng cầu đường

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

TT	Học kỳ	Tên học phần	Số TC	Số tiết			Lớp	Số SV (HT)	Mã GV	Tên Giảng viên	Khu	Buổi	HỌC KỲ I												HỌC KỲ II														HỌC KỲ BÈ																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																															
				TS	LT	TH							7	8					9					10		11			12		1		2			3			4			5			6		7																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																							
														27	28	29	30	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	

ực tập cuối khóa: (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè.

THÔNG TIN LỚP HỌC

D23CDK1

Bậc: Đại học;

Khóa: D23;

Ngành: Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông;

C.Ngành: Xây dựng cầu đường.

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

TT	Học kỳ	Tên học phần	Số TC	Số tiết			Lớp	Số SV (HT)	Mã GV	Tên Giảng viên	Khu	Buổi	HỌC KỲ I												HỌC KỲ II															HỌC KỲ BÈ																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																
				TS	LT	TH							7	8			9			10			11			12			1	2			3			4			5			6		7																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																												
														29	03	10	4	12	17	5	19	24	6	26	31	7	02	07		8	09	14	16	21	28	05	11	30	12	07	14	19	26		02	09	16	23	30	20	02	07	14	21	28	24	30	04	25	06	11	26	13	18	23	29	03	08	15	30	10	22	27	01	31	17	22	01	08	15	30	10	22	27	01	31	17	22	01	08	15	30	10	22	27	01	31	17	22	01	08	15	30	10	22	27	01	31	17	22	01	08	15	30	10	22	27	01	31	17	22	01	08	15	30	10	22	27	01	31	17	22	01	08	15	30	10	22	27	01	31	17	22	01	08	15	30	10	22	27	01	31	17	22	01	08	15	30	10	22	27	01	31	17	22	01	08	15	30	10	22	27	01	31	17	22	01	08	15	30	10	22	27	01	31	17	22	01	08	15	30	10	22	27	01	31	17	22	01	08	15	30	10	22	27	01	31	17	22	01	08	15	30	10	22	27	01	31	17	22	01	08	15	30	10	22	27	01	31	17	22	01	08	15	30	10	22	27	01	31	17	22	01	08	15	30	10	22	27	01	31	17	22	01	08	15	30	10	22	27	01	31	17	22	01	08	15	30	10	22	27	01	31	17	22	01	08	15	30	10	22	27	01	31	17	22	01	08	15	30	10	22	27	01	31	17	22	01	08	15	30	10	22	27	01	31	17	22	01	08	15	30	10	22	27	01	31	17	22	01	08	15	30	10	22	27	01	31	17	22	01	08	15	30	10	22	27	01	31	17	22	01	08	15	30	10	22	27	01	31	17	22	01	08	15	30	10	22	27	01	31	17	22	01	08	15	30	10	22	27	01	31	17	22	01	08	15	30	10	22	27	01	31	17	22	01	08	15	30	10	22	27

ực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè.

THÔNG TIN LỚP HỌC

D24CDK1

Bậc: Đại học;

Khóa: D24;

Ngành: Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông:

C.Ngành: Xây dựng cầu đường:

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

[illegible]

ực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè.

THÔNG TIN LỚP HỌC

D21CNK1

Bậc: Đại học;

Khóa: D21:

Ngành: Kỹ thuật cấp thoát nước;

C.Ngành: Cấp thoát nước;

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

[illegible]

ực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè.

THÔNG TIN LỚP HỌC

D23CNK1

Bậc: Đại học;

Khóa: D23;

Ngành: Kỹ thuật cấp thoát nước:

C.Ngành: Cấp thoát nước:

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

[illegible]

ực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè.

THÔNG TIN LỚP HỌC

D24CNK1

Bậc: Đại học:

Khóa: D24;

Ngành: Kỹ thuật cấp thoát nước:

C.Ngành: Cấp thoát nước:

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHỤ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

TT	Học kỳ	Tên học phần	Số TC	Số tiết			Lớp	Số SV (HT)	Mã GV	Tên Giảng viên	Khu	Buổi	HỌC KỲ I												HỌC KỲ II												HỌC KỲ HÈ															
													7	8			9			10			11			12			1			2			3			4			5			6		7						
				TS	LT	TH							1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31									
													22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22								
		KHOA KỸ THUẬT HẠ TẦNG CÔNG NGHỆ																																																		
1	1	Đồ án tốt nghiệp (HTKKT)	10	600		600	D20XCK1	9		BM CTN và HTCD	A	CHIỀU			DK	HD	HD	HD	HD	HD	HD	HD	HD	HD	HD	HD	HD	PB	BV	TN																						
2	1	Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ (AV3/6)					D20XCK1	9			A	CHIỀU																																								
3	1	Chuẩn đầu ra CNTT (CCONTTCB)					D20XCK1	9			A	CHIỀU																																								
		Tổng giờ,Thí, Xét KQHT	10	600		600	D20XCK1	9			A	CHIỀU			DK	HD	HD	HD	HD	HD	HD	HD	HD	HD	HD	HD	HD	PB	BV	TN																						

ợc tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè.

THÔNG TIN LỚP HỌC

D20XCK1

Bậc: Đại học;

Khóa: D20;

Ngành: Kỹ thuật xây dựng;

C.Ngành: HT kỹ thuật cơ điện công trình;

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

TT	Học kỳ	Tên học phần	Số TC	Số tiết			Lớp	Số SV (HT)	Mã GV	Tên Giảng viên	Khu	Buổi	HỌC KỲ I												HỌC KỲ II												HỌC KỲ HÈ																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																		
				TS	LT	TH							7	8			9			10			11			12			1		2		3			4			5			6		7																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																											
														27	28	29	30	31	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	01

ực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè.

THÔNG TIN LỚP HỌC

D21XCK1

Bậc: Đại học:

Khóa: D21:

Ngành: Kỹ thuật xây dựng:

C.Ngành: HT kỹ thuật cơ điện công trình:

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

[illegible]

ực tập cuối khóa: (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè.

THÔNG TIN LỚP HỌC

D22XCK1

Bậc: Đại học;

Khóa: D22;

Ngành: Kỹ thuật xây dựng;

C.Ngành: HT kỹ thuật cơ điện công trình;

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

[illegible]

ực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè.

THÔNG TIN LỚP HỌC

D23COK1

Bậc: Đại học;

Khóa: D23;

Ngành: Công nghệ Kỹ thuật ô tô:

C.Ngành: Công nghệ Kỹ thuật ô tô:

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

[illegible]

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè.

THÔNG TIN LỚP HỌC

D23COK2

Bậc: Đại học;

Khóa: D23;

Ngành: Công nghệ Kỹ thuật ô tô:

C.Ngành: Công nghệ Kỹ thuật ô tô:

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

TT	Học kỳ	Tên học phần	Số TC	Số tiết			Lớp	Số SV (HT)	Mã GV	Tên Giảng viên	Khu	Buổi	HỌC KỲ I												HỌC KỲ II																HỌC KỲ HÈ																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																									
				TS	LT	TH							7	8			9			10			11			12			1	2	3			4			5			6		7																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																								
														1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15			16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																															
																																																																				29	30	31	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	02	03	04	05	06	07

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè.

THÔNG TIN LỚP HỌC

D23COK3

Bậc: Đại học:

Khóa: D23;

Ngành: Công nghệ Kỹ thuật ô tô:

C.Ngành: Công nghệ Kỹ thuật ô tô:

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

TT	Học kỳ	Tên học phần	Số TC	Số tiết			Lớp	Số SV (HT)	Mã GV	Tên Giảng viên	Khu	Buổi	HỌC KỲ I												HỌC KỲ II														HỌC KỲ HÈ																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																	
				TS	LT	TH							7	8			9	10			11			12			1		2			3			4			5			6		7																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																													
														-	03	10		4	12	17	24	31	7	02	07	8	09	14	21	28	05	12	19	26	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	02	09	16	23	30	06	13	20	27	04	11	18	25	02	09	16	23	30	06	13	20	27	04	11	18	25	02	09	16	23	30	06	13	20	27	04	11	18	25	02	09	16	23	30	06	13	20	27	04	11	18	25	02	09	16	23	30	06	13	20	27	04	11	18	25	02	09	16	23	30	06	13	20	27	04	11	18	25	02	09	16	23	30	06	13	20	27	04	11	18	25	02	09	16	23	30	06	13	20	27	04	11	18	25	02	09	16	23	30	06	13	20	27	04	11	18	25	02	09	16	23	30	06	13	20	27	04	11	18	25	02	09	16	23	30	06	13	20	27	04	11	18	25	02	09	16	23	30	06	13	20	27	04	11	18	25	02	09	16	23	30	06	13	20	27	04	11	18	25	02	09	16	23	30	06	13	20	27	04	11	18	25	02	09	16	23	30	06	13	20	27	04	11	18	25	02	09	16	23	30	06	13	20	27	04	11	18	25	02	09	16	23	30	06	13	20	27	04	11	18	25	02	09	16	23	30	06	13	20	27	04	11	18	25	02	09	16	23	30	06	13	20	27	04	11	18	25	02	09	16	23	30	06	13	20	27	04	11	18	25	02	09	16	23	30	06	13	20	27	04	11	18	25	02	09	16	23	30	06	13	20	27	04	11	18	25	02	09	16	23	30	06	13	20	27	04	11	18	25	02	09	16	23	30	06	13	20	27	04	11	18	25	02	09	16	23	30	06	13	20	27	04	11	18	25	02	09	16	23	30	06	13	20	27	04	11	18	25	02	09	16	23	30	06	13

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè.

THÔNG TIN LỚP HỌC

D24COK1

Bậc: Đại học;

Khóa: D24;

Ngành: Công nghệ Kỹ thuật ô tô;

C.Ngành: Công nghệ Kỹ thuật ô tô;

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

TT	Học kỳ	Tên học phần	Số TC	Số tiết			Lớp	Số SV (HT)	Mã GV	Tên Giảng viên	Khu	Buổi	HỌC KỲ I												HỌC KỲ II														HỌC KỲ HÈ																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																					
				TS	LT	TH							7	8			9			10			11			12			1		2			3			4			5			6		7																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																															
														-	03	10	4	12	17	24	31	7	02	07	8	09	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	1

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè.

THÔNG TIN LỚP HỌC

D24COK2

Bậc: Đại học;

Khóa: D24;

Ngành: Công nghệ Kỹ thuật ô tô;

C.Ngành: Công nghệ Kỹ thuật ô tô;

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

[illegible]

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè.

THÔNG TIN LỚP HỌC

D23TDK1

Bậc: Đại học;

Khóa: D23;

Ngành: Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa :

C.Ngành: Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa :

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

TT	Học kỳ	Tên học phần	Số TC	Số tiết			Lớp	Số SV (HT)	Mã GV	Tên Giảng viên	Khu	Buổi	HỌC KỲ I												HỌC KỲ II															HỌC KỲ HÈ																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																														
				TS	LT	TH							7	8			9			10			11			12			1		2		3			4			5			6		7																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
														2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																			
1	1	Triết học Mác - Lênin	3	45	45		D24TDK1		230	Nguyễn Tấn Dũng		SÁNG																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										</

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè.

THÔNG TIN LỚP HỌC

D24TDK1

Bậc: Đại học:

Khóa: D24;

Ngành: : Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa :

C.Ngành: Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa :

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

TT	Học kỳ	Tên học phần	Số TC	Số tiết			Lớp	Số SV (HT)	Mã GV	Tên Giảng viên	Khu	Buổi	HỌC KỲ I												HỌC KỲ II												HỌC KỲ HÈ																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																					
				TS	LT	TH							7	8			9			10			11			12			1			2			3			4			5			6		7																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																												
													1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	1	2	3	4	5	6	7																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																								
													27	28	29	30	31	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	01	02	03	04	05	06	07																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																			
													1	22	2	29	-	03	3	05	-	10	4	12	-	17	5	19	-	24	6	26	-	31	7	02	-	07	8	09	-	14	9	16	-	21	10	23	-	28	11	30	-	05	12	07	-	12	13	14	-	19	14	21	-	26	15	28	-	02	16	04	-	09	17	11	-	16	18	18	-	23	19	25	-	30	20	02	-	07	21	09	-	14	22	16	-	21	23	23	-	28	24	30	-	04	25	06	-	11	26	13	-	18	27	20	-	25	28	27	-	01	29	03	-	08	30	10	-	15	31	17	-	22	32	24	-	01	33	03	-	08	34	10	-	15	35	17	-	22	36	24	-	29	37	31	-	05	38	07	-	12	39	14	-	19	40	21	-	26	41	28	-	03	42	05	-	10	43	12	-	17	44	19	-	24	45	26	-	31	46	02	-	07	47	09	-	14	48	16	-	21	49	23	-	28	50	30	-	05	51	07	-	12	52	14	-	19																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																
		KHOA KIẾN TRÚC																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																								

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyển đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè.

THÔNG TIN LỚP HỌC

D20KTR1

Bậc: Đại học;

Khóa: D20;

Ngành: Kiến trúc;

C.Ngành: Kiến trúc công trình;

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

TT	Học kỳ	Tên học phần	Số TC	Số tiết			Lớp	Số SV (HT)	Mã GV	Tên Giảng viên	Khu	Buổi	HỌC KỲ I												HỌC KỲ II															HỌC KỲ BÈ																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																														
				TS	LT	TH							7	8			9			10			11			12			1			2			3			4			5			6			7																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																							
														27	28	29	30	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè

THÔNG TIN LỚP HỌC

D21KTR1

Bậc: Đại học;

Khóa: D21;

Ngành: Kiến trúc;

C.Ngành: Kiến trúc công trình;

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

[illegible]

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè

THÔNG TIN LỚP HỌC

D22KTR1

Bậc: Đại học;

Khóa: D22;

Ngành: Kiến trúc;

C.Ngành: Kiến trúc công trình;

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

TT	Học kỳ	Tên học phần	Số TC	Số tiết			Lớp	Số SV (HT)	Mã GV	Tên Giảng viên	Khu	Buổi	HỌC KỲ I												HỌC KỲ II															HỌC KỲ BÈ																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																														
				TS	LT	TH							7	8					9					10		11			12		1		2			3			4		5			6		7																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																								
														27	28	29	30	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè.

THÔNG TIN LỚP HỌC

D23KTR1

Bậc: Đại học;

Khóa: D23;

Ngành: Kiến trúc;

C.Ngành: Kiến trúc công trình;

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

[illegible]

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè

THÔNG TIN LỚP HỌC

D24KTR1

Bậc: Đại học:

Khóa: D24:

Ngành: Kiến trúc:

C.Ngành: Kiến trúc công trình:

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

[illegible]

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè.

THÔNG TIN LỚP HỌC

D21KNT1

Bậc: Đại học;

Khóa: D21;

Ngành: Kiến trúc nội thất:

C.Ngành: Kiến trúc nội thất:

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè.

THÔNG TIN LỚP HỌC

D22KNT1

Bậc: Đại học:

Khóa: D22:

Ngành: Kiến trúc nội thất:

C.Ngành: Kiến trúc nội thất:

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

[illegible]

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè

THÔNG TIN LỚP HỌC

D23KNT1

Bậc: Đại học;

Khóa: D23;

Ngành: Kiến trúc nội thất:

C.Ngành: Kiến trúc nội thất:

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè

THÔNG TIN LỚP HỌC

D24KNT1

Bậc: Đại học;

Khóa: D24;

Ngành: Kiến trúc nội thất;

C.Ngành: Kiến trúc nội thất;

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè.

THÔNG TIN LỚP HỌC

D22QDC1

Bậc: Đại học:

Khóa: D22;

Ngành: Quản lý đô thị và công trình:

C.Ngành: Quản lý đô thị và công trình:

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè.

THÔNG TIN LỚP HỌC

D21KXC1

Bậc: Đại học;

Khóa: D21.;

Ngành: Kinh tế xây dựng:

C.Ngành: Kinh tế xây dựng;

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

[illegible]

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè

THÔNG TIN LỚP HỌC

D22KXC1

Bậc: Đại học:

Khóa: D22.:

Ngành: Kinh tế xây dựng:

C.Ngành: Kinh tế xây dựng:

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè

THÔNG TIN LỚP HỌC

D23KXC1

Bậc: Đại học:

Khóa: D23.:

Ngành: Kinh tế xây dựng:

C.Ngành: Kinh tế xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè

THÔNG TIN LỚP HỌC

D24KXC1

Bậc: Đại học:

Khóa: D24:

Ngành: Kinh tế xây dựng:

C.Ngành: Kinh tế xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè.

THÔNG TIN LỚP HỌC

D21QXC1

Bậc: Đại học;

Khóa: D21.;

Ngành: Quản lý xây dựng:

C.Ngành: Quản lý xây dựng:

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè

THÔNG TIN LỚP HỌC

D220XC1

Bậc: Đại học:

Khóa: D22.:

Ngành: Quản lý xây dựng:

C.Ngành: Quản lý xây dựng:

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

[illegible]

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè

THÔNG TIN LỚP HỌC

D23QXC1

Bậc: Đại học;

Khóa: D23.;

Ngành: Quản lý xây dựng:

C.Ngành: Quản lý xây dựng;

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

[illegible]

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè.

THÔNG TIN LỚP HỌC

D24QXC1

Bậc: Đại học;

Khóa: D24;

Ngành: Quản lý xây dựng:

C.Ngành: Quản lý xây dựng;

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

TT	Học kỳ	Tên học phần	Số TC	Số tiết			Lớp	Số SV (HT)	Mã GV	Tên Giảng viên	Khu	Buổi	HỌC KỲ I												HỌC KỲ II																	HỌC KỲ HÈ																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																		
				TS	LT	TH							7	8			9			10			11			12			1			2			3			4			5			6			7																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																													
														2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																												
1	1	Kế toán tài chính 3	3	45	45	D22KDC1	63	370	Nguyễn Thị Cúc	B	CHIỀU		2	29	-	03		3	05	-	10		4	12	-	17		5	19	-	24		6	26	-	31		7	02	-	07		8	09	-	14		9	16	-	21		10	23	-	28		11	30	-	05		12	07	-	12		13	14	-	19		14	21	-	26		15	28	-	02		16	04	-	09		17	11	-	16		18	18	-	23		19	25	-	30		20	02	-	07		21	09	-	14		22	16	-	21		23	23	-	28		24	30	-	04		25	06	-	11		26	13	-	18		27	20	-	25		28	27	-	01		29	03	-	08		30	10	-	15		31	17	-	22		32	24	-	01		33	03	-	08		34	10	-	15		35	17	-	22		36	24	-	29		37	31	-	05		38	07	-	12		39	14	-	19		40	21	-	26		41	28	-	03		42	05	-	10		43	12	-	17		44	19	-	24		45	26	-	31		46	02	-	07		47	09	-	14		48	16	-	21		49	23	-	28		50	30	-	05		51	07	-	12		52	14	-	19																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																		
2	1	Kế toán chi phí	3	45	45	D22KDC1	63	192	Lê Thị Ai Nhân	B	CHIỀU																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																	</

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè

THÔNG TIN LỚP HỌC

D22KDC1

Bậc: Đại học;

Khóa: D22.;

Ngành: Kế toán;

C.Ngành: Kế toán doanh nghiệp:

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

[illegible]

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè

THÔNG TIN LỚP HỌC

D24KDC1

Bậc: Đại học;

Khóa: D24;

Ngành: Kế toán;

C.Ngành: **Kế toán doanh nghiệp;**

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

[illegible]

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dư trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè

THÔNG TIN LỚP HỌC

D21OHC1

Bậc: Đại học:

Khóa: D21.:

Ngành: Quản trị kinh doanh:

C.Ngành: Quản trị kinh doanh tổng hợp

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

[illegible]

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè

THÔNG TIN LỚP HỌC

D24QHC1

Bậc: Đại học;

Khóa: D24;

Ngành: Quản trị kinh doanh;

C.Ngành: Quản trị kinh doanh tổng hợp;

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

TT	Học kỳ	Tên học phần	Số TC	Số tiết			Lớp	Số SV (HT)	Mã GV	Tên Giảng viên	Khu	Buổi	HỌC KỲ I												HỌC KỲ II														HỌC KỲ HÈ																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																															
				TS	LT	TH							7	8			9			10		11			12		1		2		3			4		5			6		7																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																													
													1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																						
													1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																						
1	1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30		D23QSC1	20	309	Lê Sơn Tùng	B	CHIỀU	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																						
2	1	Thống kê doanh nghiệp	2	30	30		D23QSC1	20	198	Trần Thị Nguyễn Thảo	B	CHIỀU			3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	2	2	2																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																											</

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè.

THÔNG TIN LỚP HỌC

D23OSC1

Bậc: Đại học:

Khóa: D23.:

Ngành: Quản trị kinh doanh:

C.Ngành: Quản trị kinh doanh NH-KS:

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè.

THÔNG TIN LỚP HỌC

D21QLC1

Bậc: Đại học;

Khóa: D21.;

Ngành: Quản trị kinh doanh;

C.Ngành: Quản trị kinh doanh du lịch

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

[illegible]

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dư trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè

THÔNG TIN LỚP HỌC

D23LQC1

Bậc: Đại học;

Khóa: D23.;

Ngành: Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng:

C.Ngành: Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng;

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

TT	Học kỳ	Tên học phần	Số SV TC	Số tiết			Lớp	Số SV (HT)	Mã GV	Tên Giảng viên	Khu	Buổi	HỌC KỲ I																HỌC KỲ II																	HỌC KỲ HÈ																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																					
				TS	LT	TH							7	8			9			10			11			12			1			2			3			4			5			6			7																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																				
														-	03	-	10	-	17	-	24	-	31	-	07	-	14	-	21	-	28	-	05	-	12	-	19	-	26	-	02	-	09	-	16	-	23	-	30	-	06	-	13	-	20	-	27	-	03	-	10	-	17	-	24	-	31	-	07	-	14	-	21	-	28	-	04	-	11	-	18	-	25	-	01	-	08	-	15	-	22	-	29	-	05	-	12	-	19	-	26	-	03	-	10	-	17	-	24	-	31	-	07	-	14	-	21	-	28	-	05	-	12	-	19	-	26	-	03	-	10	-	17	-	24	-	31	-	07	-	14	-	21	-	28	-	05	-	12	-	19	-	26	-	03	-	10	-	17	-	24	-	31	-	07	-	14	-	21	-	28	-	05	-	12	-	19	-	26	-	03	-	10	-	17	-	24	-	31	-	07	-	14	-	21	-	28	-	05	-	12	-	19	-	26	-	03	-	10	-	17	-	24	-	31	-	07	-	14	-	21	-	28	-	05	-	12	-	19	-	26	-	03	-	10	-	17	-	24	-	31	-	07	-	14	-	21	-	28	-	05	-	12	-	19	-	26	-	03	-	10	-	17	-	24	-	31	-	07	-	14	-	21	-	28	-	05	-	12	-	19	-	26	-	03	-	10	-	17	-	24	-	31	-	07	-	14	-	21	-	28	-	05	-	12	-	19	-	26	-	03	-	10	-	17	-	24	-	31	-	07	-	14	-	21	-	28	-	05	-	12	-	19	-	26	-	03	-	10	-	17	-	24	-	31	-	07	-	14	-	21	-	28	-	05	-	12	-	19	-	26	-	03	-	10	-	17	-	24	-	31	-	07	-	14	-	21	-	28	-	05	-	12	-	19	-	26	-	03	-	10	-	17	-	24	-	31	-	07	-	14	-	21	-	28	-	05	-	12	-	19	-	26	-	03	-	10	-	17	-	24	-	31	-	07	-	14	-	21	-	28	-	05	-	12	-	19	-	26	-	03	-	10	-	17	-	24	-	31	-	07	-	14	-	21	-	28	-	05	-	12	-	19	-	26	-	03	-	10	-	17	-	24	-	31	-	07	-	14	-	21	-	28	-	05	-	12	-	19	-	26	-	03	-	10	-	17	-	24	-	31	-	07	-	14	-	21	-	28	-	05	-	12	-	19	-	26	-	03	-	10	-	17	-	24	-	31	-	07	-	14	-	21	-	28	-	05	-	12	-	19	-	26	-	03	-	10	-	17	-	24	-	31	-	07	-	14	-	21	-	28	-	05	-	12	-	19	-	26	-	03	-	10	-	17	-	24	-	31	-	07	-	14	-	21	-	28	-	05	-	12	-	19	-	26	-	03	-	10	-	17	-	24	-	31	-	07	-	14	-	21	-	28	-	05	-	12	-	19	-	26	-	03	-	10	-	17	-	24	-	31	-	07	-	14	-	21	-	28	-	05	-	12</

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè

THÔNG TIN LỚP HỌC

D24LQC1

Bậc: Đại học;

Khóa: D24;

Ngành: Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng;

C.Ngành: Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng;

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

[illegible]

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè.

THÔNG TIN LỚP HỌC

D24TNC1

Bậc: Đại học;

Khóa: D24;

Ngành: Tài chính - Ngân hàng:

C.Ngành: Tài chính - Ngân hàng;

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè.

THÔNG TIN LỚP HỌC

D21X1DN

Bậc: Đại học;

Khóa: D21;

Kỹ thuật xây dựng;

Ngành:

C.Ngành: XD Dân dụng và Công nghiệp;

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

TT	Học kỳ	Tên học phần	Số TC	Số tiết			Lớp	Số SV (HT)	Mã GV	Tên Giảng viên	Khu	Buổi	HỌC KỲ I												HỌC KỲ II										HỌC KỲ BÈ																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																				
				TS	LT	TH							7	8			9			10			11			12			1		2		3			4			5			6		7																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																											
														1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																						
1	1	Kết cấu nhà bê tông cốt thép	3	45	45		D22X1DN	42	362	Nguyễn Quang Hòa			1	22	-	27	-	03	-	10	-	17	-	24	-	31	-	07	-	14	-	21	-	28	-	04	-	11	-	18	-	25	-	01	-	08	-	15	-	22	-	29	-	05	-	12	-	19	-	26	-	03	-	10	-	17	-	24	-	31	-	07	-	14	-	21	-	28	-	04	-	11	-	18	-	25	-	01	-	08	-	15	-	22	-	29	-	05	-	12	-	19	-	26	-	03	-	10	-	17	-	24	-	31	-	07	-	14	-	21	-	28	-	04	-	11	-	18	-	25	-	01	-	08	-	15	-	22	-	29	-	05	-	12	-	19	-	26	-	03	-	10	-	17	-	24	-	31	-	07	-	14	-	21	-	28	-	04	-	11	-	18	-	25	-	01	-	08	-	15	-	22	-	29	-	05	-	12	-	19	-	26	-	03	-	10	-	17	-	24	-	31	-	07	-	14	-	21	-	28	-	04	-	11	-	18	-	25	-	01	-	08	-	15	-	22	-	29	-	05	-	12	-	19	-	26	-	03	-	10	-	17	-	24	-	31	-	07	-	14	-	21	-	28	-	04	-	11	-	18	-	25	-	01	-	08	-	15	-	22	-	29	-	05	-	12	-	19	-	26	-	03	-	10	-	17	-	24	-	31	-	07	-	14	-	21	-	28	-	04	-	11	-	18	-	25	-	01	-	08	-	15	-	22	-	29	-	05	-	12	-	19	-	26	-	03	-	10	-	17	-	24	-	31	-	07	-	14	-	21	-	28	-	04	-	11	-	18	-	25	-	01	-	08	-	15	-	22	-	29	-	05	-	12	-	19	-	26	-	03	-	10	-	17	-	24	-	31	-	07	-	14	-	21	-	28	-	04	-	11	-	18	-	25	-	01	-	08	-	15	-	22	-	29	-	05	-	12	-	19	-	26	-	03	-	10	-	17	-	24	-	31	-	07	-	14	-	21	-	28	-	04	-	11	-	18	-	25	-	01	-	08	-	15	-	22	-	29	-	05	-	12	-	19	-	26	-	03	-	10	-	17	-	24	-	31	-	07	-	14	-	21	-	28	-	04	-	11	-	18	-	25	-	01	-	08	-	15	-	22	-	29	-	05	-	12	-	19	-	26	-	03	-	10	-	17	-	24	-	31	-	07	-	14	-	21	-	28	-	04	-	11	-	18	-	25	-	01	-	08	-	15	-	22	-	29	-	05	-	12	-	19	-	26	-	03	-	10	-	17	-	24	-	31	-	07	-	14	-	21	-	28	-	04	-	11	-

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè

THÔNG TIN LỚP HỌC

D22X1DN

Bậc: Đại học;

Khóa: D22;

Kỹ thuật xây dựng:

Ngành:

C.Ngành: XD Dân dụng và Công nghiệp:

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

[illegible]

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè.

THÔNG TIN LỚP HỌC

D22X2DN

Bậc: Đại học;

Khóa: D22_LT;

Kỹ thuật xây dựng;

Ngành:

C.Ngành: XD Dân dụng và Công nghiệp;

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè

THÔNG TIN LỚP HỌC

D23X1DN

Bậc: Đại học:

Khóa: D23:

Kỹ thuật xây dựng:

Ngành:

C.Ngành: XD Dân dụng và Công nghiệp:

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

TT	Học kỳ	Tên học phần	Số TC	Số tiết			Lớp	Số SV (HT)	Mã GV	Tên Giảng viên	Khu	Buổi	HỌC KỲ I																HỌC KỲ II										HỌC KỲ BÈ																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																														
				TS	LT	TH							7	8				9				10				11				12				1		2				3				4				5				6			7																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																														
														-	03	-	10	-	17	-	24	-	31	-	07	-	14	-	21	-	28	-	05	-	12	-	19	-	26	-	02	-	09	-	16	-	23	-	30	-	06	-	13	-	20	-	27	-	03	-	10	-	17	-	24	-	31	-	07	-	14	-	21	-	28	-	04	-	11	-	18	-	25	-	01	-	08	-	15	-	22	-	29	-	05	-	12	-	19	-	26	-	03	-	10	-	17	-	24	-	31	-	07	-	14	-	21	-	28	-	05	-	12	-	19	-	26	-	03	-	10	-	17	-	24	-	31	-	07	-	14	-	21	-	28	-	05	-	12	-	19	-	26	-	03	-	10	-	17	-	24	-	31	-	07	-	14	-	21	-	28	-	05	-	12	-	19	-	26	-	03	-	10	-	17	-	24	-	31	-	07	-	14	-	21	-	28	-	05	-	12	-	19	-	26	-	03	-	10	-	17	-	24	-	31	-	07	-	14	-	21	-	28	-	05	-	12	-	19	-	26	-	03	-	10	-	17	-	24	-	31	-	07	-	14	-	21	-	28	-	05	-	12	-	19	-	26	-	03	-	10	-	17	-	24	-	31	-	07	-	14	-	21	-	28	-	05	-	12	-	19	-	26	-	03	-	10	-	17	-	24	-	31	-	07	-	14	-	21	-	28	-	05	-	12	-	19	-	26	-	03	-	10	-	17	-	24	-	31	-	07	-	14	-	21	-	28	-	05	-	12	-	19	-	26	-	03	-	10	-	17	-	24	-	31	-	07	-	14	-	21	-	28	-	05	-	12	-	19	-	26	-	03	-	10	-	17	-	24	-	31	-	07	-	14	-	21	-	28	-	05	-	12	-	19	-	26	-	03	-	10	-	17	-	24	-	31	-	07	-	14	-	21	-	28	-	05	-	12	-	19	-	26	-	03	-	10	-	17	-	24	-	31	-	07	-	14	-	21	-	28	-	05	-	12	-	19	-	26	-	03	-	10	-	17	-	24	-	31	-	07	-	14	-	21	-	28	-	05	-	12	-	19	-	26	-	03	-	10	-	17	-	24	-	31	-	07	-	14	-	21	-	28	-	05	-	12	-	19	-	26	-	03	-	10	-	17	-	24	-	31	-	07	-	14	-	21	-	28	-	05	-	12	-	19	-	26	-	03	-	10	-	17	-	24	-	31	-	07	-	14	-	21	-	28	-	05	-	12	-	19	-	26	-	03	-	10	-	17	-	24	-	31	-	07	-	14	-	21	-	28	-	05	-	12	-	19	-	26	-	03	-	10	-	17	-	24	-	31	-	07	-	14	-	21	-	28	-	05	-	12	-	19	-	26	-	03	-	10	-	17	-	24	-	31	-	07	-	14	-	21	-	28	-	05	-	12	-	19	-	26	-	03	-	10	-	17	-	24

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè

THÔNG TIN LỚP HỌC

D23X2DN

Bậc: Đại học;

Khóa: D23_LT;

Ngành: Kỹ thuật xây dựng:

C.Ngành: XD Dân dụng và Công nghiệp:

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

[illegible]

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè

THÔNG TIN LỚP HỌC

D24XDK1DN

Bậc: Đại học:

Khóa: D24:

Ngành: Kỹ thuật xây dựng:

C.Ngành: XD Dân dụng và Công nghiệp:

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

TT	Học kỳ	Tên học phần	Số TC	Số tiết			Lớp	Số SV (HT)	Mã GV	Tên Giảng viên	Khu	Buổi	HỌC KỲ I												HỌC KỲ II												HỌC KỲ HÈ																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																									
				TS	LT	TH							7	8			9			10			11			12			1			2			3			4			5			6			7																																																																																																																																																																																																																																																																																																																															
														1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99	100	101	102	103	104	105	106	107	108	109	110	111	112	113	114	115	116	117	118	119	120	121	122	123	124	125	126	127	128	129	130	131	132	133	134	135	136	137	138	139	140	141	142	143	144	145	146	147	148	149	150	151	152	153	154	155	156	157	158	159	160	161	162	163	164	165	166	167	168	169	170	171	172	173	174	175	176	177	178	179	180	181	182	183	184	185	186	187	188	189	190	191	192	193	194	195	196	197	198	199	200	201	202	203	204	205	206	207	208	209	210	211	212	213	214	215	216	217	218	219	220	221	222	223	224	225	226	227	228	229	230	231	232	233	234	235	236	237	238	239	240	241	242	243	244	245	246	247	248	249	250	251	252	253	254	255	256	257	258	259	260	261	262	263	264	265	266	267	268	269	270	271	272	273	274	275	276	277	278	279	280	281	282	283	284	285	286	287	288	289	290	291	292	293	294	295	296	297	298	299	300	301	302	303	304	305	306	307	308	309	310	311	312	313	314	315	316	317	318	319	320	321	322	323	324	325	326	327	328	329	330	331	332	333	334	335	336	337	338	339	340	341	342	343	344	345	346	347	348	349	350	351	352	353

THÔNG TIN LỚP HỌC

D20CD1DN

Bậc: Đại học;

Khóa: D20:

Ngành: Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông;

C.Ngành: Xây dựng cầu đường;

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè

THÔNG TIN LỚP HỌC

D22CD2DN

Bậc: Đại học;

Khóa: D22_LT;

Ngành: Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông;

C.Ngành: Xây dựng cầu đường;

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

THÔNG TIN LỚP HỌC

D23CD2DN

Bậc: Đại học;

Khóa: D23_LT;

Ngành: Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông;

C.Ngành: Xây dựng cầu đường;

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè.

THÔNG TIN LỚP HỌC

D21QX1DN

Bậc: Đại học;

Khóa: D20.;

Ngành: Quản lý xây dựng:

C.Ngành: Quản lý xây dựng;

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè.

THÔNG TIN LỚP HỌC

D23QX1DN

Bậc: Đại học;

Khóa: D23;

Ngành: Quản lý xây dựng;

C.Ngành: Quản lý xây dựng;

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

[illegible]

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè

THÔNG TIN LỚP HỌC

D24QXC1DN

Bậc: Đại học;

Khóa: D24;

Ngành: Quản lý xây dựng:

C.Ngành: Quản lý xây dựng

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

[illegible]

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè

THÔNG TIN LỚP HỌC

D20K1DN

Bậc: Đại học;

Khóa: D20;

Ngành: Kiến trúc;

C.Ngành: Kiến trúc công trình:

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè

THÔNG TIN LỚP HỌC

D21K1DN-K2DN

Bậc: Đại học;

Khóa: D21;

Ngành: Kiến trúc;

C.Ngành: Kiến trúc công trình;

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

TT	Học kỳ	Tên học phần	Số TC	Số tiết			Lớp	Số SV (HT)	Mã GV	Tên Giảng viên	Khu	Buổi	HỌC KỲ I												HỌC KỲ II												HỌC KỲ HÈ																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																		
				TS	LT	TH							7	8			9			10			11			12			1			2			3			4			5			6		7																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																									
														27	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	02	09	16	23	30	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	03	10	17	24

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè

THÔNG TIN LỚP HỌC

D22K1DN

Bậc: Đại học;

Khóa: D22;

Ngành: Kiến trúc;

C.Ngành: Kiến trúc công trình;

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

[illegible]

THÔNG TIN LỚP HỌC

D23K2DN

Bậc: Đại học;

Khóa: D23_LT;

Ngành: Kiến trúc;

C.Ngành: Kiến trúc công trình;

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

TT	Học kỳ	Tên học phần	Số TC	Số tiết			Lớp	Số SV (HT)	Mã GV	Tên Giảng viên	Khu	Buổi	HỌC KỲ I												HỌC KỲ II												HỌC KỲ HÈ																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																			
				7	8								9			10			11			12			1		2		3			4		5			6		7																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																	

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè

THÔNG TIN LỚP HỌC

D24KTR1DN

Bậc: Đại học:

Khóa: D24:

Ngành: Kiến trúc:

C.Ngành: Kiến trúc công trình:

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

[illegible]

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè

THÔNG TIN LỚP HỌC

D24KNT1DN

Bậc: Đại học:

Khóa: D24:

Ngành: Kiến trúc nội thất:

C.Ngành: Kiến trúc nội thất

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

TT	Học kỳ	Tên học phần	Số TC	Số tiết			Lớp	Số SV (HT)	Mã GV	Tên Giảng viên	Khu	Buổi	HỌC KỲ I												HỌC KỲ II										HỌC KỲ HÈ																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																	
				TS	LT	TH							7	8				9				10				11				12				1		2		3				4		5				6		7																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																		
														27	03	10	17	24	31	7	02	07	14	21	28	05	12	19	26	02	09	16	23	30	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20</

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè.

THÔNG TIN LỚP HỌC

D24CTC1DN

Bậc: Đại học;

Khóa: D24;

Ngành: Công nghệ thông tin:

C.Ngành: Công nghệ thông tin:

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

TT	Học kỳ	Tên học phần	Số TC	Số tiết			Lớp	Số SV (HT)	Mã GV	Tên Giảng viên	Khu	Buổi	HỌC KỲ I												HỌC KỲ II												HỌC KỲ BÈ																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																		
				TS	LT	TH							7	8			9			10			11			12			1		2			3			4			5			6		7																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
														27	28	29	30	31	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	01

THÔNG TIN LỚP HỌC

D24COK1DN

Bậc: Đại học;

Khóa: D24;

Ngành: Công nghệ Kỹ thuật ô tô;

C.Ngành: Công nghệ Kỹ thuật ô tô:

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

TT	Học kỳ	Tên học phần	Số TC	Số tiết			Lớp	Số SV (HT)	Mã GV	Tên Giảng viên	Khu	Buổi	HỌC KỲ I												HỌC KỲ II																	HỌC KỲ HÈ																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																													
				TS	LT	TH							7	8			9			10			11			12			1			2			3			4			5			6			7																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																								
														27	28	29	30	31	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	01

THÔNG TIN LỚP HỌC

D24COK2DN

Bậc: Đại học;

Khóa: D24;

Ngành: Công nghệ Kỹ thuật ô tô;

C.Ngành: Công nghệ Kỹ thuật ô tô;

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

[illegible]

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè

THÔNG TIN LỚP HỌC

D24QHC1DN

Bậc: Đại học;

Khóa: D24;

Ngành: Quản trị kinh doanh;

C.Ngành: Quản lý xây dựng;

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

[illegible]

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè

THÔNG TIN LỚP HỌC

D24LQC1DN

Bậc: Đại học;

Khóa: D24;

Ngành: Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng:

C.Ngành: Kế toán doanh nghiệp;

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

[illegible]

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè

THÔNG TIN LỚP HỌC

D24TNC1DN

Bậc: Đại học:

Khóa: D24:

Ngành: Tài chính - Ngân hàng:

C.Ngành: Quản lý xây dựng:

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

[illegible]

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè.

THÔNG TIN LỚP HỌC

D24TMC1DN

Bậc: Đại học:

Khóa: D24:

Ngành: Thương mại điện tử:

C.Ngành: Quản lý xây dựng:

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

[illegible]

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè

THÔNG TIN LỚP HỌC

D24TDK1DN

Bậc: Đại học;

Khóa: D24;

Ngành: Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá:

C.Ngành: Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá:

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG (CƠ SỞ PHÚ YÊN + PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG)

[illegible]

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè.

THÔNG TIN LỚP HỌC

D24CDK1DN

Bậc: Đại học;

Khóa: D24;

Ngành: Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông:

C.Ngành: Xây dựng cầu đường;

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2024 - 2025

[illegible]

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: Thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; (DK-HD-PB-BV-TN): Thực hiện Đồ án tốt nghiệp; H: Tuần học kỳ hè.

Phú Yên, ngày 20 tháng 7 năm 2024

TRUNG TÂM BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ & KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG

P. Giám đốc

Huỳnh Quốc Hùng

BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO
NĂM HỌC 2024-2025
KẾ HOẠCH CHI TIẾT CỦA GIẢNG VIÊN

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2024-2025 (CƠ SỞ PHÚ YÊN)
ĐỊNH MỨC GIỜ GIẢNG - KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN GIỜ GIẢNG TRONG NĂM (DỰ KIẾN)

TT	Tên GV	Giờ chuẩn	Giờ Định mức	Giờ thực hiện (dự kiến)			Số GV	Bình quân		Vượt giờ	% hoàn thành	Ghi chú
				KH	Khác	Tổng		GD	KH			
	TOÀN TRƯỞNG	46403	35174	60450	0	60450	210	167.495	287.857	25276	172%	
I	K. XÂY DỰNG	10450	8535	8700	0	8700	38	225	229	165	102%	
II	K. KTHT-CN	7425	5762	7150	0	7150	28	206	255	1388	124%	
III	K. KIẾN TRÚC	3850	3498	9635	0	9635	15	233	642	6137	275%	
IV	K. KINH TẾ&QLXD	4675	4318	11970	0	11970	18	240	665	7927	277%	
V	K. KH CƠ BẢN	6003	5611	11775	0	11775	21	267	561	6164	210%	
VI	PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG	2750	2554	5580	0	5580	47	54	119	3026	218%	
VII	TT. NN-TH	275	69	555	0	555	1	69	555	486	804%	
VIII	TT. BDNV&KĐXD	2960	1962	1470	0	1470	8	245	184	-492	75%	
IX	GV KIÊM NHIỆM	8015	2865	3255	0	3255	29	99	112	390	114%	
XI	GV THỈNH GIẢNG	0	0	105	0	105	3	0	35	105		
XII	KHÁC	0	0	255	0	255	2	0	128	255		

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2024-2025 (CƠ SỞ PHÚ YÊN)
ĐỊNH MỨC GIỜ GIẢNG - KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN GIỜ GIẢNG TRONG NĂM (DỰ KIẾN)

TT	Mã GV	Mã học hàm	Mã học vị	Tên GV	Kí hiệu GV	Tên đơn vị	Tên bộ môn	Giờ chuẩn	Giờ Định mức	Giờ thực hiện (dự kiến)			Số GV	Bình quân		Vượt giờ	% hoàn thành	Ghi chú
										KH	Khác	Tổng		GD	KH			
All				TOÀN TRƯỞNG			>>	46,403	35,174	60,450		60,450	210	167	288	25,276	172%	
I				K. XÂY DỰNG		XayDung	>>	10,450	8,535	8,700		8,700	38	225	229	165	102%	
				Bộ môn Địa kỹ thuật														
1	388		TS	Nguyễn Văn Hải	V.Hải	XayDung	BRC_Dia KT	275	165	180		180				15	109.1%	PTraK1
2	384		TS	Nguyễn Thanh Danh	T.Danh	XayDung	BRC_Dia KT	275	220	210		210				-10	95.5%	PTraP
3	533		TS	Nguyễn Thành Sơn	Th.Son	XayDung	BRC_Dia KT	275	220	180		180				-40	81.8%	PTraBM
4	387		ThS	Trịnh Văn Thao	V.Thao	XayDung	BRC_Dia KT	275	275	300		300				25	109.1%	
5	386		ThS	Lê Thị Cát Tường	C.Tường	XayDung	BRC_Dia KT	275		30		30				30		NCS đến 01/10/2024
				Bộ môn Kết cấu công trình														
6	146		TS	Võ Văn Nam	V.Nam	XayDung	CON_Ket cau	275	220	150		150				-70	68.2%	PBTcB
7	156		ThS	Nguyễn Thành Chung	Th.Chung	XayDung	CON_Ket cau	275	234	225		225				-9	96.2%	PTraBM
8	403		ThS	Lê Văn Đồng	V.Đồng	XayDung	CON_Ket cau	275	275	270		270				-5	98.2%	
9	420		TS	Trần Văn Hân	V.Hân	XayDung	CON_Ket cau	275	75							-75		NCSTS từ 1/6/2023 đến 29/2/2024
10	147		ThS	Đỗ Thị Kim Oanh	K.Oanh	XayDung	CON_Ket cau	275	275	240		240				-35	87.3%	
11	405		Th.S	Phạm Trí Quang	Tr.Quang	XayDung	CON_Ket cau	275	275	240		240				-35	87.3%	
12	135		ThS	Trần Văn Sơn	V.Son	XayDung	CON_Ket cau	275	234	240		240				6	102.6%	BTCBSV
13	366		ThS	Ngô Duy Tiến	D.Tiến	XayDung	CON_Ket cau	275	275	225		225				-50	81.8%	
14	159		ThS	Lê Nguyễn Công Tín	C.Tín	XayDung	CON_Ket cau	275	275	240		240				-35	87.3%	
15	149		ThS	Nguyễn Bá Toàn	B.Toàn	XayDung	CON_Ket cau	275	275	210		210				-65	76.4%	
16	160		ThS	Lê Văn Trí	V.Trí	XayDung	CON_Ket cau	275	275	270		270				-5	98.2%	
17	154		ThS	Lê Văn Trình	V.Trình	XayDung	CON_Ket cau	275	253	195		195				-58	77.1%	BCHCDT
18	367		ThS	Dương Lê Trường	L.Trường	XayDung	CON_Ket cau	275	275	225		225				-50	81.8%	
19	139		ThS	Chu Thị Hải Vinh	H.Vinh	XayDung	CON_Ket cau	275	275	195		195				-80	70.9%	NCS KTT đến 30/8/2023

TT	Mã GV	Mã học hàm	Mã học vị	Tên GV	Kí hiệu GV	Tên đơn vị	Tên bộ môn	Giờ chuẩn	Giờ Định mức	Giờ thực hiện (dự kiến)			Số GV	Bình quân		Vượt giờ	% hoàn thành	Ghi chú
										KH	Khác	Tổng		GD	KH			
				Bộ môn Công nghệ và Tổ chức Thi công														
20	134		ThS	Ngô Ngọc Cường	N.Cường	TT.BDNV	CON_Thi cong	275	220	450		450				230	204.5%	Ptr.k
21	163		ThS	Phạm Duy Hiếu	D.Hiếu	XayDung	CON_Thi cong	275										NCS
22	137		ThS	Ngô Đình Châu	Đ.Châu	TT.DTN	CON_Thi cong	275	275	330		330				55	120.0%	
23	319		ThS	Đoàn Huỳnh Thuận	H.Thuận	XayDung	CON_Thi cong	275	231	435		435				204	188.3%	PCTCDT
24	144		ThS	Bùi Kiến Tín	K.Tín	XayDung	CON_Thi cong	275	275							-275		
25	340		ThS	Lê Hữu Tính	H.Tính	XayDung	CON_Thi cong	275	275	600		600				325	218.2%	
26	169		ThS	Lê Đình Vinh	L.Đ.Vinh	XayDung	CON_Thi cong	275	275	345		345				70	125.5%	
27	148		ThS	Lương Minh Sang	M.Sang	XayDung	CON_Thi cong	275	275	345		345				70	125.5%	
28	162		ThS	Đặng Ngọc Tân	Đ.Tân	XayDung	CON_Thi cong	275	275	345		345				70	125.5%	
				Bộ môn Cơ học công trình														
29	389		TS	Đặng Bảo Lợi	B.Lợi	XayDung	BRC_Dia KT	275	220	210		210				-10	95.5%	TraBM
30	155		ThS	Phạm Hoàng Dũng	P.Dũng	XayDung	CON_Co hoc	275	234	210		210				-24	89.7%	PTraBM
31	141		ThS	Nguyễn Thành Công	T.Công	XayDung	CON_Co hoc	275	234	240		240				6	102.6%	TrLK
32	361		ThS	Nguyễn Công Đức	C.Đức	XayDung	CON_Co hoc	275		90		90				90		NCS
33	145		ThS	Hà Hoàng Giang	H.Giang	XayDung	CON_Co hoc	275	275	270		270				-5	98.2%	
34	421		ThS	Nguyễn Hoàng Phúc	H.Phúc	XayDung	CON_Co hoc	275	275	240		240				-35	87.3%	
35	140		ThS	Nguyễn Huỳnh Minh Trang	M.Trang	XayDung	CON_Co hoc	275	275	255		255				-20	92.7%	
36	368		ThS	Huỳnh Đức Tú	Đ.Tú	XayDung	CON_Co hoc	275	275	240		240				-35	87.3%	
37	407		ThS	Lê Hoàng Vũ	L.Vũ	XayDung	CON_Co hoc	275										NCS
38	164		ThS	Đoàn Mộng Xanh	M.Xanh	XayDung	CON_Co hoc	275	275	270		270				-5	98.2%	
zk0	479			Nhóm GV XD		XayDung	CON_Ket cau											
zk0	506			(TG) Khoa Xây dựng		XayDung	CON_Ket cau											

TT	Mã GV	Mã học hàm	Mã học vị	Tên GV	Kí hiệu GV	Tên đơn vị	Tên bộ môn	Giờ chuẩn	Giờ Định mức	Giờ thực hiện (dự kiến)			Số GV	Bình quân		Vượt giờ	% hoàn thành	Ghi chú
										KH	Khác	Tổng		GD	KH			
II				K. KTHT-CN			>>	7,425	5,762	7,150		7,150	28	206	255	1,388	124%	
				Bộ môn Cầu đường														
1	274		TS	Nguyễn Kim Cường	K.Cường	HatangKTCN	BRC_Cau	275	193	315		315				122	163.2%	TrK2
2	277		ThS	Vũ Quang Thuận	Q.Thuận	HatangKTCN	BRC_Cau	275	234	345		345				111	147.4%	PTraBM
3	275		ThS	Lương Thị Bích	T.Bích	HatangKTCN	BRC_Duong	275	100	195		195				95	195.0%	
4	383		TS	Phạm Minh Dũng	M.Dũng	HatangKTCN	BRC_Cau	275	275							-275		
5	410		ThS	Nguyễn Ngọc Lượng	Ng.Lượng	HatangKTCN	BRC_Cau	275	275							-275		
6	276		TS	Đoàn Hữu Sâm	H.Sâm	HatangKTCN	BRC_Cau	275										NCSTS
7	381		ThS	Cao Thanh Chương	Th.Chương	HatangKTCN	BRC_Cau	275	275	255		255				-20	92.7%	
8	391		ThS	Nguyễn Sĩ Vinh	S.Vinh	HatangKTCN	BRC_Duong	275	234	210		210				-24	89.7%	TrLK
9	411		TS	Phan Trần Thanh Trúc	P.Trúc	HatangKTCN	BRC_Cau	275	275	255		255				-20	92.7%	
10	382		ThS	Nguyễn Thanh Vũ	Th.Vũ	HatangKTCN	BRC_Duong	275	275	180		180				-95	65.5%	
zk0	487			Nhóm GV CD		HatangKTCN	BRC_Cau											
zk0	483			(TG) Khoa Cầu đường		HatangKTCN	BRC_Cau											
				Bộ môn Cấp thoát nước và Cơ điện Công trình														
16	310		ThS	Lê Văn Khôi	V.Khôi	P.CTHS-SV	UIT_Ky thuật CĐCtr	275	220	480		480				260	218.2%	PTraK
11	177		ThS	Nguyễn Thế Hùng	T.Hùng	HatangKTCN	UIT_CTN&MT	275	234	225		225				-9	96.2%	PTraBM
12	395		ThS	Nguyễn Minh Chí	M.Chí	HatangKTCN	UIT_CTN&MT	275										NCS từ 01/9/2021
13	178		ThS	Phan Thành Dân	Th.Dân	HatangKTCN	UIT_CTN&MT	275	275	300		300				25	109.1%	
14	413		ThS	Nguyễn Thị Diễm	Th.Diễm	HatangKTCN	UIT_CTN&MT	275	234	240		240				6	102.6%	TrLK
15	175		TS	Võ Thanh Huy	T.Huy	HatangKTCN	UIT_CTN&MT	275	275	330		330				55	120.0%	
16	176		TS	Hoàng Anh Sơn	A.Sơn	HatangKTCN	UIT_CTN&MT	275	119							-119		NCSTS đến 10/01/2024
17	182		ThS	Huỳnh Tấn Tám	T.Tám	HatangKTCN	UIT_Ky thuật CĐCtr	275	275	270		270				-5	98.2%	
18	181		ThS	Lê Văn Thái	V.Thái	HatangKTCN	UIT_Ky thuật CĐCtr	275	275	360		360				85	130.9%	
19	414		ThS	Hồ Thanh Trúc	Th.Trúc	HatangKTCN	UIT_CTN&MT	275										NCS đến 9/2025
20	412		ThS	Cao Thị Hà Xuyên	H.Xuyên	HatangKTCN	UIT_CTN&MT	275	220	195		195				-25	88.6%	TrLK
zk0	543			Nhóm GV KHTHDT		HatangKTCN	UIT_CTN&MT											
zk0	508			(TG) Khoa KHTHDT		HatangKTCN	UIT_CTN&MT											

TT	Mã GV	Mã học hàm	Mã học vị	Tên GV	Kí hiệu GV	Tên đơn vị	Tên bộ môn	Giờ chuẩn	Giờ Định mức	Giờ thực hiện (dự kiến)			Số GV	Bình quân		Vượt giờ	% hoàn thành	Ghi chú
										KH	Khác	Tổng		GD	KH			
				Bộ môn Công nghệ thông tin														
21	638		TS	Nguyễn Xuân Hậu	X.Hậu	HatangKTCN	FLI_Tin hoc	275	220	495		495				275	225.0%	TrBM
22	262		ThS	Nguyễn Lê Tín	L.Tín	HatangKTCN	FLI_Tin hoc	275	234	495		495				261	211.5%	PTrBM
23	2670		TS	Huỳnh Thanh Tâm	T.Tâm	HatangKTCN	FLI_Tin hoc	275	275	360		360				85	130.9%	
24	264		ThS	Trần Thái Sơn	T.Sơn	HatangKTCN	FLI_Tin hoc	275	275	660		660				385	240.0%	
				Bộ môn Công nghệ ô tô và Tự động hóa														
25	2665		TS	Nguyễn Chí Sỹ	C.Sỹ	HatangKTCN	FLI_Tin hoc	275	220	480		480				260	218.2%	TrBM
26	2688		TS	Võ Ngọc Đức	N.Đức	HatangKTCN	UIT_Ky thuat CDCtr	275	275	255		255				-20	92.7%	
27	2693		KS	Đỗ Thanh Kiểm		HatangKTCN				100		100				100		
28	2694		ThS	Lê Đát Toa		HatangKTCN				150		150				150		

TT	Mã GV	Mã học hàm	Mã học vị	Tên GV	Kí hiệu GV	Tên đơn vị	Tên bộ môn	Giờ chuẩn	Giờ Định mức	Giờ thực hiện (dự kiến)			Số GV	Bình quân		Vượt giờ	% hoàn thành	Ghi chú
										KH	Khác	Tổng		GD	KH			
III				K. KIẾN TRÚC		KienTruc	>>	3,850	3,498	9,635		9,635	15	233	642	6,137	275%	
				Bộ môn Kiến trúc công trình														
1	215		ThS	Ngô Đức Quý	Đ.Quý	KienTruc	ARC_KTR Cong trình	275	206	645		645				439	313.1%	PtrK2
2	358		TS	Lê Tiến Vinh	T.Vinh	KienTruc	ARC_KTR Cong trình	275	220	570		570				350	259.1%	PtrK2
3	478		ThS	Ngô Đa Đức	Đ.Đức	KienTruc	ARC_KTR Cong trình	275	253	435		435				182	171.9%	CDBP
4	223		ThS	Dương Thị Thu Thùy	Th.Thùy	KienTruc	ARC_KTR Cong trình	275	275	270		270				-5	98.2%	
5	400		KTS	Võ Hoàng Vũ	H.Vũ	KienTruc	ARC_KTR Cong trình	275	275	690		690				415	250.9%	
				Bộ môn Công nghệ Kiến trúc và Nội thất														
6	217		ThS	Nguyễn Thị Khánh Trang	K.Trang	KienTruc	ARC_Quy hoạch & QLĐT	275	220	435		435				215	197.7%	PtrP
7	219		ThS	Ngô Minh Tân	M.Tân	KienTruc	ARC_Công nghệ KTR&NT	275	220	780		780				560	354.5%	PtrBM
8	225		ThS	Võ Huy Dũng	H.Dũng	KienTruc	ARC_Công nghệ KTR&NT	275	275	735		735				460	267.3%	
9	221		ThS	Nguyễn Thị Ái Nương	A.Nương	KienTruc	ARC_Công nghệ KTR&NT	275	275	610		610				335	221.8%	
10			ThS	Nguyễn Hoàng Anh		KienTruc	ARC_Công nghệ KTR&NT											NCS
11	226		ThS	Huỳnh Thúc Linh	T.Linh	KienTruc	ARC_Công nghệ KTR&NT	275	275	465		465				190	169.1%	
12	399		ThS	Trần Thanh Quý	Th.Quý	KienTruc	ARC_Công nghệ KTR&NT	275	275	670		670				395	243.6%	
				Bộ môn Quy hoạch và Quản lý đô thị														
13	214		ThS	Nguyễn Hữu Ninh	H.Ninh	KienTruc	ARC_Quy hoạch & QLĐT	275	220	465		465				245	211.4%	PtrBM
14	220		ThS	Đinh Ngọc Hòa	N.Hòa	KienTruc	ARC_Quy hoạch & QLĐT	275	275	660		660				385	240.0%	
15	354		ThS	Trương Anh Bích Châu	B.Châu	KienTruc	ARC_Quy hoạch & QLĐT	275	234	285		285				51	121.8%	TrLK
zk0	484			Nhóm GV KTR		KienTruc	ARC_Công nghệ KTR&NT			1920		1920				1920		
zk0	537			(TG) Khoa KTR		KienTruc	ARC_Công nghệ KTR&NT											

TT	Mã GV	Mã học hàm	Mã học vị	Tên GV	Kí hiệu GV	Tên đơn vị	Tên bộ môn	Giờ chuẩn	Giờ Định mức	Giờ thực hiện (dự kiến)			Số GV	Bình quân		Vượt giờ	% hoàn thành	Ghi chú
										KH	Khác	Tổng		GD	KH			
IV				K. KINH TẾ&QLXD		KinhTe	>>	4,675	4,318	11,970		11,970	18	240	665	7,927	277%	
				Bộ môn Kế toán - Tài chính														
1	416		TS	Nguyễn Thị Kim Trọng	K.Trọng	KinhTe	ECO_Ke toan	275	206	435		435				229	211.2%	TrK1
2	188		TS	Nguyễn Thị Thu Hiếu	T.Hiếu	KinhTe	ECO_Ke toan	275	275	675		675				400	245.5%	
3	370		ThS	Nguyễn Thị Cúc	Th.Cúc	KinhTe	ECO_Ke toan	275	234	765		765				531	326.9%	TrLK
4	193		ThS	Đào Thị Bích Hồng	B.Hồng	KinhTe	ECO_Ke toan	275	275	315		315				40	114.5%	
5	199		ThS	Ngô Vũ Mai Ly	M.Ly	KinhTe	ECO_Ke toan	275	275	315		315				40	114.5%	
6	206		ThS	Ngô Văn Thống	V.Thống	KinhTe	ECO_Ke toan	275	275	210		210				-65	76.4%	
7	203		ThS	Nguyễn Thùy Linh	T.Linh	KinhTe	ECO_Ke toan	275	275	300		300				25	109.1%	
				Bộ môn Quản lý xây dựng														
8	210		TS	Vương Thị Thùy Dương	Th.Dương	KinhTe	ECO_Quan ly XD	275	220	480		480				260	218.2%	PTrK2
9	371		ThS	Võ Lê Duy Khánh	V.Khánh	KinhTe	ECO_Quan ly XD	275	234	570		570				336	243.6%	PTrBM
10	197		ThS	Trịnh Văn Cẩn	V.Cẩn	KinhTe	ECO_Quan ly XD	275	234	570		570				336	243.6%	TrLK
11	201		ThS	Trần Thị Thiêm	T.Thiêm	KinhTe	ECO_Quan ly XD	275	275	495		495				220	180.0%	
				Bộ môn Quản trị kinh doanh và Logistics														
12	198		ThS	Trần Thị Nguyên Thảo	N.Thảo	KinhTe	ECO_Quan tri KD	275	220	450		450				230	204.5%	PTrK
13	586		TS	Đoàn Thị Nhiệm	Th.Nhiệm	KinhTe	ECO_Quan tri KD	275	220	720		720				500	327.3%	TrBM
14	1655		ThS	Bùi Thị Thanh Mai	Th.Mai	KinhTe	ECO_Quan tri KD	275	275	555		555				280	201.8%	NCS
15	192		ThS	Lê Thị Ái Nhân	A.Nhân	KinhTe	ECO_Quan tri KD	275	275	330		330				55	120.0%	
16	2691	PGS	TS	Hà Thị Ngọc Oanh		KinhTe	ECO_Quan tri KD			210		210				210		
17	2706		TS	Đào Anh Xuân	A.Xuân	KinhTe	ECO_Quan tri KD	275	275									
18	2666		TS	Nguyễn Thị Hải Vân	H.Vân	KinhTe	ECO_Quan tri KD	275	275	135		135				-140	49.1%	
zk0	490			Nhóm GV KTE		KinhTe	ECO_Quan ly XD			4230		4230				4230		
zk0	507			(TG) Khoa Kinh tế		KinhTe	ECO_Quan ly XD			210		210				210		

TT	Mã GV	Mã học hàm	Mã học vị	Tên GV	Kí hiệu GV	Tên đơn vị	Tên bộ môn	Giờ chuẩn	Giờ Định mức	Giờ thực hiện (dự kiến)			Số GV	Bình quân		Vượt giờ	% hoàn thành	Ghi chú
										KH	Khác	Tổng		GD	KH			
V				K. KH CƠ BẢN		KHCB	>>	6,003	5,611	11,775		11,775	21	267	561	6,164	210%	
				Bộ môn Khoa học tự nhiên														
1	245	PGS	TS	Đào Văn Dương	V.Dương	KHCB	BAS_KHCB	270	220	585		585				365	265.9%	TrK
2	345	PGS	TS	Nguyễn Bá Phi	B.Phi	KHCB	BAS_KHCB	270	234	375		375				141	160.3%	PTTrK2
3	248		ThS	Ngô Thị Hồng	Th.Hồng	KHCB	BAS_KHCB	138	117	360		360				243	307.7%	NCS KTT đến 31/12/2025;
4	236		ThS	Đoàn Văn Hiệp	V.Hiệp	KHCB	BAS_KHCB	275	275	855		855				580	310.9%	
5	242		ThS	Hồ Thị Thân	Th.Thân	P.QLĐT	BAS_KHCB	275	275	225		225				-50	81.8%	
6	244		ThS	Lê Thị Loan	Th.Loan	KHCB	BAS_KHCB	275	275	570		570				295	207.3%	
				Bộ môn Giáo dục thể chất														
7	237		ThS	Lê Phong Lâm	P.Lâm	KHCB	BAS_TD-QP	275	234	630		630				396	269.2%	TrBM; CDBP
8	246		ThS	Lê Văn Đông	V.Đông	KHCB	BAS_TD-QP	400	400	840		840				440	210.0%	
9	239		CN	Lại Văn Học	V.Học	KHCB	BAS_TD-QP	400	400	630		630				230	157.5%	
10	241		ThS	Nguyễn Văn Minh	V.Minh	KHCB	BAS_TD-QP	400	400	810		810				410	202.5%	
				Bộ môn Ngoại ngữ														
11	267		ThS	Mãng Trần Thu Thủy	T.Thủy	NN-TH	FLI_Ngoai ngu	275	234	465		465				231	198.7%	TrBM
12	268		ThS	Nguyễn Thị Kim Cúc	K.Cúc	NN-TH	FLI_Ngoai ngu	275	275	720		720				445	261.8%	
13	266		CN	Đặng Tường Lê	T.Lê	NN-TH	FLI_Ngoai ngu	275	275	705		705				430	256.4%	
14	271		ThS	Hồ Thị Mỹ Linh	M.Linh	NN-TH	FLI_Ngoai ngu	275	275	690		690				415	250.9%	
zk0	538			Nhóm GV KHCB		KHCB	BAS_KHCB											
zk0	539			(TG) Khoa KHCB		KHCB	BAS_KHCB											
				Bộ môn Lý luận chính trị - Pháp luật		LL Ctrí	>>											
15	309		ThS	Lê Sơn Tùng	S.Tùng	LyLuanCT	POL_DLCM	275	231	480		480				249	207.8%	CTCDT
16	233		TS	Võ Xuân Hội	X.Hội	LyLuanCT	POL_NL Mac Le	275	275	450		450				175	163.6%	
17	229		ThS	Nguyễn Thành Đạo	T.Đạo	LyLuanCT	POL_NL Mac Le	275	193	405		405				212	209.8%	TrBM
18	231		ThS	Lê Thị Mến	T.Mến	LyLuanCT	POL_DLCM	275	220	480		480				260	218.2%	TrBM
19	230		ThS	Nguyễn Tấn Dũng	N.Dũng	LyLuanCT	POL_NL Mac Le	275	275	450		450				175	163.6%	
20	234		ThS	Nguyễn Thị Tiến	T.Tiến	LyLuanCT	POL_DLCM	275	275	510		510				235	185.5%	
21	379		ThS	Nguyễn Thị Thu Trang	Thu.Trang	LyLuanCT	POL_DLCM	275	253	360		360				107	142.3%	
zk0	486			Nhóm GV LLCT		LyLuanCT	POL_DLCM											
zk0	542			(TG) Khoa LLCT		LyLuanCT	POL_DLCM			180		180				180		

TT	Mã GV	Mã học hàm	Mã học vị	Tên GV	Kí hiệu GV	Tên đơn vị	Tên bộ môn	Giờ chuẩn	Giờ Định mức	Giờ thực hiện (dự kiến)			Số GV	Bình quân		Vượt giờ	% hoàn thành	Ghi chú
										KH	Khác	Tổng		GD	KH			
VI				PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG		PHDN	>>	2,750	2,554	5,580		5,580	47	54	119	3,026	218%	
1	392		TS	Huỳnh Ngọc Hào	N.Hào	PHDN		270	189	255		255				66	134.9%	PGĐ.Ptr.Ph
2	461		ThS	Lâm Thị Hậu	T.Hậu	PHDN		275	234	390		390				156	166.7%	
3	404		TS	Phạm Đăng Khoa	Đ.Khoa	PHDN		275	234	450		450				216	192.3%	
4	362		ThS	Nguyễn Quang Hòa	Q.Hòa	PHDN		275	275	285		285				10	103.6%	
5	158		ThS	Nguyễn Minh Tuấn An	T.Anh	PHDN		275	275	195		195				-80	70.9%	
6	525		TS	Lê Công Duy	C.Duy	PHDN		275	234	525		525				291	224.4%	
7	359		KS	Phan Công Bàn	C.Bàn	PHDN		275	275	315		315				40	114.5%	
8	397		ThS	Tạ Kim Sơn	K.Sơn	PHDN		275	234	1360		1360				1126	581.2%	
9	357		ThS	Phan Hữu Sang	H.Sang	PHDN		275	275	800		800				525	290.9%	PGĐ.Ph
10	460		ThS	Lê Thị Thanh Nhung	Th.Nhung	PHDN		275	275	1260		1260				985	458.2%	
11	458		ThS	Diệp Minh Đông	M.DĐông	PHDN		275	243							-243		PTrBM

TT	Mã GV	Mã học hàm	Mã học vị	Tên GV	Kí hiệu GV	Tên đơn vị	Tên bộ môn	Giờ chuẩn	Giờ Định mức	Giờ thực hiện (dự kiến)			Số GV	Bình quân		Vượt giờ	% hoàn thành	Ghi chú
										KH	Khác	Tổng		GD	KH			
VII				TT. NN-TH		TT.NNTH	>>	275	69	555		555	1	69	555	486	804%	
1	207		ThS	Lê Đức Tâm	Đ.Tâm	NN-TH	ECO_Quan tri KD	275	69	555		555				486	804.3%	PGD (PTra)
zk0	485			Nhóm GV NN-TH		NN-TH	FLL_Tin hoc											
VIII				TT. BDNV&KDXD		TT. BDNV&KDXD	>>	2,960	1,962	1,470		1,470	8	245	184	-492	75%	
1	132		ThS	Huỳnh Quốc Hùng	Q.Hùng	XayDung	CON_Ket cau	275	220	30		30				-190	13.6%	PTraBM
2	259		ThS	Trần Văn Một	V.Một	TT.BDNV	VOG_Day nghe	380	133	160		160				27	120.3%	GVKN
3	257		ThS	Bùi Hữu Lắm	H.Lắm	TT.BDNV	VOG_Day nghe	380	133	320		320				187	240.6%	GVKN
4	278		TS	Đặng Quốc Việt	Q. Việt	TT.BDNV	BRC_ Cau	275										PGD; NCSTS
5	254		ThS	Trần Văn Thái	Tr.Thái	TT.DTN	VOG_Day nghe	380	380	320		320				-60	84.2%	
6	260		KS	Lê Quý Hòa	Q.Hòa	TT.DTN	VOG_Day nghe	510	510	320		320				-190	62.7%	
7	394		ThS	Đỗ Văn Hùng	V.Hùng	TT.DTN	VOG_Day nghe	380	228	160		160				-68	70.2%	PBT DT
8	255		ThS	Nguyễn Bá Sáu	B.Sáu	TT.DTN	VOG_Day nghe	380	358	160		160				-198	44.7%	CDBP
zk0	501			Nhóm GV DTN		TT.DTN	VOG_Day nghe											

TT	Mã GV	Mã học hàm	Mã học vị	Tên GV	Kí hiệu GV	Tên đơn vị	Tên bộ môn	Giờ chuẩn	Giờ Định mức	Giờ thực hiện (dự kiến)			Số GV	Bình quân		Vượt giờ	% hoàn thành	Ghi chú
										KH	Khác	Tổng		GD	KH			
IX				GV KIÊM NHIỆM		KiemNhiem	>>	8,015	2,865	3,255		3,255	29	99	112	390	114%	
1	294		TS	Phan Văn Huệ	V.Huệ	BGH	CON_Ket cau	275	41	60		60				19	146.3%	HT
2	296		TS	Phạm Ngọc Tiến	N.Tiến	XayDung	CON_Co hoc	275	41	60		60				19	146.3%	CT HĐTr
3	173		TS	Lê Đức Thường	Đ.Thường	DoThi	UIT_Ky thuat CĐCtr	275	193	135		135				-58	69.9%	TrK2; PTraBM
4	346		ThS	Nguyễn Đình Đại	Đ.Đại	P.TCKT	ECO_Ke toan	275	69	135		135				66	195.7%	TrP
5	213		TS	Trần Văn Hiến	V.Hiến	KienTruc	ARC_Công nghệ KTR&NT	275	193	60		60				-133	31.1%	TrK2
6	281		ThS	Nguyễn Nguyễn Khang	N.Khang	P.TCHC	ECO_Quan ly XD	275	69	300		300				231	434.8%	TrP
7	299		ThS	Nguyễn Hữu Toàn	H.Toàn	P.QLĐT	UIT_Ky thuat CĐCtr	275	83	105		105				22	126.5%	PTrP
8	375		ThS	Phạm Trung Nguyên	Tr.Nguyên	P.QLĐT	BRC_Cau	275	83	60		60				-23	72.3%	PTrP
9	349		ThS	Phạm Ngọc Tân	N.Tân	XayDung	BRC_Dia KT	275	193	150		150				-43	77.7%	PTrK1
10	385		ThS	Võ Thanh Toàn	Th.Toàn	P.QLĐT	BRC_Dia KT	275	96	90		90				-6	93.8%	GVKN
11	300		ThS	Phạm Đức Khính	Đ.Khính	P.QLĐT	UIT_Ky thuat CĐCtr	380	133	165		165				32	124.1%	GVKN
12	374		ThS	Nguyễn Quốc Huy	Q.Huy	P.QLĐT	BRC_Cau	275										GVKN; NCS
13	297		ThS	Nguyễn Văn Trâm	V.Trâm	P.QLĐT	CON_Thi cong	275	69	75		75				6	108.7%	TrP
14	272		ThS	Đình Văn Vinh	Đ.Vinh	P.KTDBCL	BRC_Cau	275	83	90		90				7	108.4%	PTrP
15	171		TS	Trịnh Tiến Dũng	T.Dũng	P.CTHS-SV	UIT_Ky thuat CĐCtr	275	69	195		195				126	282.6%	TrP
17	235		ThS	Dương Văn Danh	V.Danh	TT.TTTV	BAS_KHCB	275	69	90		90				21	130.4%	GD TT.TTTV
18	218		TS	Lê Đàm Ngọc Tú	N.Tú	KienTruc	ARC_Quy hoạch & QLĐT	275	69	120		120				51	173.9%	TrP
19	172		ThS	Ngô Đình Thành	Đ.Thành	P.KHHTQT	UIT_Ky thuat CĐCtr	275	83	195		195				112	234.9%	PTrP
20	325		ThS	Nguyễn Công Bằng	C.Bằng	P.KHHTQT	FLI_Tin hoc	275	96	255		255				159	265.6%	GVKN; BCH CDBP
21	324		TS	Trương Minh Trí	M.Trí	VienHoa	UIT_CTN&MT	275	69	30		30				-39	43.5%	GD VienHoa
22	339		ThS	Nguyễn Văn Thành	V.Thành	TT.DTN	ARC_Công nghệ KTR&NT	275	69	120		120				51	173.9%	GD
23	161		TS	Trương Quang Hải	Q.Hải	XayDung	CON_Ket cau	275	275	90		90				-185	32.7%	
24	298		ThS	Nguyễn Thanh Hải	T.Hải	XayDung	CON_Thi cong	275	220	180		180				-40	81.8%	PTraBM
25	273		ThS	Lê Đức Quân	Đ.Quân	Hatang	BRC_Duong	275	69	60		60				-9	87.0%	PTr
26	329		ThS	Nguyễn Văn Tường	V.Tường	TT.DTN	UIT_Ky thuat CĐCtr	275	96	315		315				219	328.1%	GVKN
27	258		KS	Nguyễn Chí Quốc	C.Quốc	TT.DTN	VOG_Day nghe	380	133							-133		GVKN
28	396		ThS	Trần Trọng Thức	Tr.Thức	KienTruc	ARC_Quy hoạch & QLĐT	275	69	120		120				51	173.9%	GD TTTV
29	377		ThS	Nguyễn Văn Hoàn	V.Hoàn	TT.BDNV	VOG_Day nghe	380	133							-133		GVKN

TT	Mã GV	Mã học hàm	Mã học vị	Tên GV	Kí hiệu GV	Tên đơn vị	Tên bộ môn	Giờ chuẩn	Giờ Định mức	Giờ thực hiện (dự kiến)			Số GV	Bình quân		Vượt giờ	% hoàn thành	Ghi chú
										KH	Khác	Tổng		GD	KH			
XI				GV THỈNH GIẢNG		Thinhgiang	>>			105		105	3		35	105		
1	131		ThS	Phạm Văn Tâm	V.Tâm	XayDung	CON_Thi cong			45		45				45		
2	2680	PGS	TS	Đỗ Văn Dũng	V.Dũng	DoThi	UIT_Ky thuat CĐCtr			60		60				60		
3	263		CN	Bùi Nguyễn Tuân	N.Tuân	NN-TH	FLI_Ngoai ngu											
XII				KHÁC		Khac	>>			255		255	2		128	255		
1	307		ThS	Võ Đại Hồng	Đ.Hồng	P.QLĐT	FLI_Tin hoc			225		225				225		
2	179		ThS	Tôn Nữ Hồng Thư	H.Thư	P.QLĐT	UIT_CTN&MT			30		30				30		
zk0	994			Bổ trí lớp riêng														

Giờ khác: Tạm tính ĐATN, Coi thi, Chăm thi... Theo tổng hợp của Khoa, Bộ môn

	1639		TS	Phan Văn Hiền		GVTG				270								
	515		ThS	Nguyễn Thị Khánh Duy		GVTG				120								
	545		TS	Đặng Văn Lái		GVTG				30								